

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

MIRAE



MIRAE JOINT STOCK COMPANY

(Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28 tháng 11 năm 2007)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 469/ĐKCB Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2007)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt



BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Trụ sở: Ấp 1B, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-650) 3791 038 Fax: (84-650) 3791 037

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà Đặng Thanh Thư - Trợ lý Tổng giám đốc

Điện thoại: (84-650) 3791 038

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG
KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA
PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ
PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE



(Giấy chứng nhận đầu tư 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình
Dương cấp ngày 28 tháng 11 năm 2007)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . . /ĐKCB Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm 200...)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Trụ sở: Ấp 1B, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650.3791038 Fax: 0650.3791037

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà **Đặng Thanh Thư** - Trợ lý Tổng giám đốc

Điện thoại: 0650.3791038

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp.....	1
3. Rủi ro sáp nhập	1
4. Rủi ro đặc thù.....	2
5. Rủi ro khác.....	2
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH....	3
1. Tổ chức phát hành.....	3
2. Tổ chức tư vấn	3
III. CÁC KHÁI NIỆM	3
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	4
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	6
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty.....	10
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành.....	11
5. Tình hình hoạt động, cơ cấu tổ chức, tình hình tài chính, cơ cấu sở hữu và quản trị của Công ty cổ phần Mirae Fiber (Công ty bị sáp nhập).....	11
6. Hoạt động kinh doanh.....	17
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	38
8. Vị thế của Công ty so với các Công ty khác trong cùng ngành.....	40
9. Chính sách đối với người lao động	43
10. Chính sách cổ tức.....	45
11. Tình hình hoạt động tài chính	45
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	49
13. Tài sản.....	60
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009-2011.....	62
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	63
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	64
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty và có thể ảnh hưởng tới cổ phiếu chào bán	64
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	65
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	65
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.....	65
3. Tổng số cổ phiếu phát hành: 14.017.123 cổ phiếu.....	65
4. Phương thức phát hành và tính giá.....	65
5. Kế hoạch phân phối cổ phiếu.....	65
6. Tổ chức tư vấn phát hành.....	66

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	66
8. Cam kết tuân thủ Luật Doanh Nghiệp về Sáp nhập và sửa đổi điều lệ sau sáp nhập theo quy định.....	66
Công ty cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2005	66
Sau Sáp nhập, điều lệ Công ty nhận sáp nhập sẽ được sửa đổi cho phù hợp với quy mô mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành	66
9. Các loại thuế có liên quan.....	66
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:.....	68
1. Mục đích phát hành.....	68
2. Phương án khả thi	68
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG .72	
1. Tổ chức tư vấn	72
2. Tổ chức kiểm toán.....	72
PHỤ LỤC.....	73

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Nhìn chung trong 9 tháng đầu năm 2009, tổng sản phẩm trong nước tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2008. Mức tăng trưởng kinh tế các quý trong 9 tháng năm nay cho thấy xu hướng phục hồi của nền kinh tế nước ta ngày càng rõ nét hơn. Kết quả đạt được đánh dấu thành công bước đầu của Chính phủ trong chỉ đạo và điều hành vĩ mô nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế.

Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế trong giai đoạn cuối năm 2009 có tác động tích cực đến các Công ty bao gồm cả các Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các sản phẩm về tấm bông, chăn, ra, gối, nệm như Công ty Cổ phần Mirae. Thêm nữa, chủ trương của Chính phủ trong tương lai sẽ tập trung vào phát triển ngành dệt may trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tiêu dùng trong nước, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập vững chắc kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, gắn liền với những cơ hội là sự cạnh tranh ngày càng cao giữa các doanh nghiệp. Chỉ có những Công ty hoạt động hiệu quả, có định hướng chiến lược kinh doanh đúng đắn mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh khốc liệt. Có thể nói, sự phát triển và mở cửa nền kinh tế vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty mới được niêm yết trên HOSE trong năm 2008, do đó Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra. Điều này sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, và sau đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro sáp nhập

Sau khi tiến hành sáp nhập KMF vào KMR, ngoài những tác động tích cực từ việc sáp nhập, KMR cũng phải đối mặt với một số rủi ro, thách thức từ việc sáp nhập như:

- Ảnh hưởng giá thị trường của cổ phiếu KMR:

2 doanh nghiệp sáp nhập sẽ ảnh hưởng nhất định đến tâm lý nhà đầu tư qua đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu Công ty sau sáp nhập.

- Bộ máy hoạt động sau sáp nhập có thể chồng chéo, thiếu hiệu quả:

Sau sáp nhập Công ty nhận sáp nhập phải quản lý thêm một bộ phận là Công ty bị sáp nhập, bộ máy quản lý sẽ phải thay đổi. Nếu không quản lý tốt, chi phí quản lý sẽ gia tăng

Formatted: Indent: First line: 0 pt

Hoạt động kinh doanh sau sáp nhập không đạt được những cộng hưởng từ sáp nhập như mong đợi, doanh thu không gia tăng như mong muốn và chi phí hoạt động cũng như chi phí quản lý gia tăng.

4. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về thị trường

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào thị trường may mặc xuất khẩu của Việt Nam, cụ thể là theo các đơn đặt hàng của đối tác và xuất khẩu ra sang các nước có nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc lớn như Trung Quốc, Malaysia, Srilanka, Myama, Hàn Quốc... Việc tiêu thụ sản phẩm mà phần lớn dựa vào thị trường xuất khẩu sẽ có thể phải chịu rủi ro trong trường hợp thị trường bị thu hẹp lại. Để tranh rủi ro, Công ty đang triển khai phát triển thị trường nội địa.

Hiện tại, sản phẩm bông tấm, bông chần hiện có thị trường tương đối ổn định. Cung cấp trực tiếp theo đơn đặt hàng nên không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bất ngờ không lường trước được. Do sợi gòn có chất lượng cao được nhập khẩu từ nước ngoài nên sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt và có được sự tín nhiệm của thị trường tiêu thụ. Mặt hàng chần, ra, gối, nệm và nệm lò xo là mặt hàng Công ty mới đưa vào sản xuất. Với công nghệ và máy móc hiện đại, đồng thời kiểu dáng và chất lượng cũng rất đa dạng, bảo đảm đáp ứng hầu hết các phân khúc thị trường và các loại hình khách hàng. Tuy nhiên, thị trường nệm lò xo ở Việt Nam hiện nay chưa có nhiều tên tuổi nổi tiếng, hơn nữa các chủng loại sản phẩm không phong phú, nên có thể nói thị trường cung hiện đang còn rất nhiều tiềm năng và cơ hội.

Rủi ro tính chất mùa vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Do tính chất mùa vụ của ngành may mặc nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 10 hàng năm. Vì vậy, máy móc thiết bị thường không hoạt động đủ 100% công suất thiết kế. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động tìm kiếm, ký kết và điều phối các đơn đặt hàng sản xuất theo tiến độ và trình tự hợp lý, luân chuyển hàng hóa tồn kho trong thời gian sớm nhất có thể và cố gắng duy trì hoạt động của máy móc thiết bị với công suất tối ưu.

5. Rủi ro khác

Ngoài các yếu tố rủi ro nêu trên, còn nhiều yếu tố rủi ro khác mang tính chất khách quan khó đoán trước như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, động đất có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty cần có những biện pháp để giảm thiểu các rủi ro tới mức thấp nhất có thể. Công ty cần phải có các hợp đồng bảo hiểm cho tài sản của mình để có thể tránh được các tổn thất khách quan.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Ông Shin Young Sik	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Shin Dong Jin	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Thảo	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thụy Trâm Anh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ông Tô Hải	Chức vụ: Tổng giám đốc
-------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Mirae. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Mirae cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty Cổ phần Mirae
Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Mirae
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TSCĐ	: Tài sản cố định
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mirae
Điều lệ	: Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Mirae
BCTC	: Báo cáo tài chính
Gòn	: Bông
Tám gòn	: Tám bông
Yard	: Tương đương 0,9114 mét
Thuế GTGT	: Thuế Giá trị gia tăng
DTT	: Doanh thu thuần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Mirae tiền thân là Công ty TNHH Mirae Fiber VN, chính thức thành lập ngày 15/11/2001. Công ty TNHH Mirae Fiber VN có chủ đầu tư là Công ty TNHH Mirae Fiber Technology Co., Ltd. Điểm qua quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Mirae có các cột mốc đáng nhớ như sau:

-  Ngày 15/11/2001, Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Bình Dương được thành lập lấy tên là Công ty TNHH Mirae Fiber VN theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD với mức vốn đầu tư đăng ký là 950.000 đôla Mỹ, vốn pháp định là 650.000 đô la Mỹ, thời hạn hoạt động là 44 năm;
-  Ngày 20/02/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 1.900.000 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC1-KCN-BD, vốn pháp định là 950.000 đô la Mỹ;
-  Ngày 18/06/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 2.050.000 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC2-KCN-BD. Vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;
-  Ngày 23/06/2003, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 3.500.000 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC3-KCN-BD, vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;
-  Ngày 25/11/2004, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc thay đổi giấy phép đầu tư số 130B/GP-KCN-BD về việc điều chỉnh vốn đầu tư, theo đó vốn đầu tư đăng ký mới là 8.182.370 đôla Mỹ, vốn pháp định là: 2.500.000 đô la Mỹ;
-  Ngày 10/12/2004, Chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Hưng Yên tách ra hoạt động độc lập theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD-GPĐC1-HY;
-  Ngày 29/11/2005, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp giấy phép điều chỉnh số 130B/GPĐC2-KCN-BD với vốn đầu tư là 10.282.370 đô la Mỹ, vốn pháp định là 3.760.000 đô la Mỹ;
-  Theo tinh thần của Nghị định 101/2006/NĐ-CP ban hành ngày 21/09/2006 về việc chuyển đổi một số Công ty có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty TNHH Mirae Fiber VN đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động. Ngày 06/07/2007, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 do UBND Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc chuyển nhượng vốn và thành lập công ty cổ phần với mức vốn điều lệ đăng ký là 116.820.660.000 đồng, tương đương 7.260.000 đô la Mỹ. Và hình thức chuyển đổi là “Giữ nguyên

giá trị Công ty và bán một phần vốn của chủ đầu tư”. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 06/07/2007.

✚ Ngày 28/11/2007, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ nhất giấy phép đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ).

✚ Ngày 30/6/2008 cổ phiếu của Công ty cổ phần Mirae đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là KMR.

1.2 Giới thiệu về Công ty

Tên tiếng Việt : **Công ty Cổ phần Mirae**

Tên tiếng Anh : Mirae Joint Stock Company

Tên viết tắt : MIRAE., JSC

Trụ sở : Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650. 3791 038

Fax : 0650. 3791 037

Email : dishin@miraefiber.com

Website : www.miraejsc.com

Vốn điều lệ : **132.870.660.000** đồng

Logo :



Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2007, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 26/12/2008 ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Mirae như sau:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chằng gòn, gòn kim, vải địa kỹ thuật nguyên phụ liệu may mặc;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh túi ngủ, chăn, khăn trải giường, gối, nệm;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Lắp ráp máy móc thiết bị các loại làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm, lò xo, máy thêu;
- Sản xuất nệm lò xo;
- Thực hiện quyền nhập khẩu nệm lò xo và máy móc thiết bị làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm lò xo.



Trụ sở chính Công ty Cổ phần Mirae

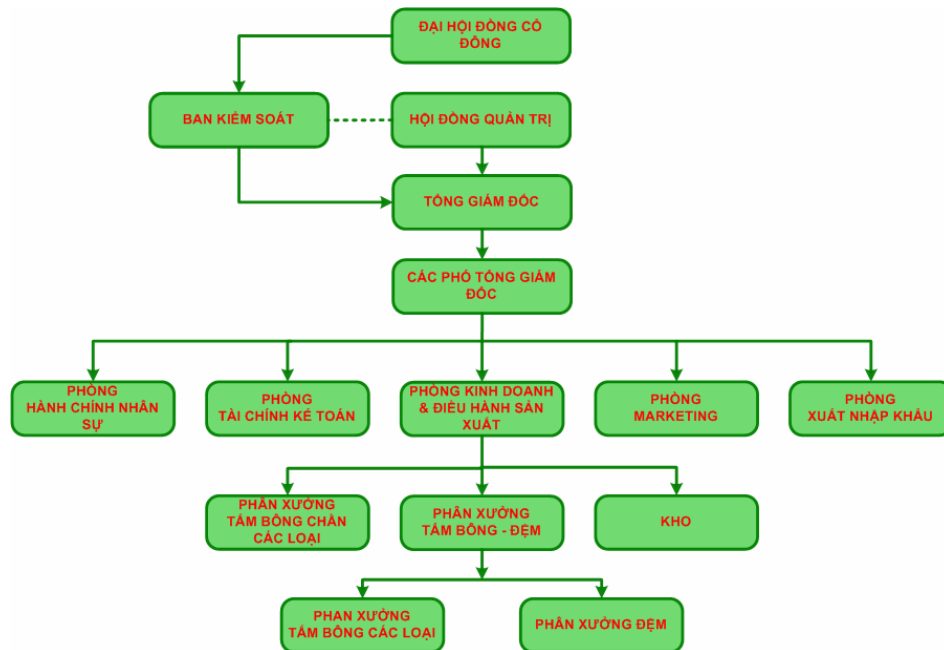
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

2.1. Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Mirae được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2008

2.2 Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban Kiểm soát của Công ty có 02 thành viên.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả những vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp để đạt được các mục tiêu phát triển Công ty do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Công ty có 01 Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc được phân công, chủ động giải quyết những vấn đề mà Tổng Giám đốc đã ủy quyền và phân công theo đúng điều lệ Công ty.

❖ Phòng Hành chính nhân sự

Có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- ✓ Tổ chức nhân sự sản xuất;
- ✓ Quy hoạch, đào tạo, đề bạt, miễn nhiệm và nhận xét công nhân viên hàng năm theo đúng tiêu chuẩn và quy chế Công ty;
- ✓ Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng lao động;
- ✓ Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nội dung kỷ luật lao động của công nhân viên các khối cơ quan trong Công ty.

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Là bộ phận chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Hạch toán kế toán;
- ✓ Quản lý hoạt động tài chính toàn Công ty.

❖ **Phòng kinh doanh và điều hành sản xuất**

Là bộ phận chức năng trợ giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Lập kế hoạch và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các đơn đặt hàng;
- ✓ Nghiệm thu sản phẩm, kiểm tra chất lượng kỹ thuật;
- ✓ Quản lý sản xuất, giám định chất lượng ở các phân xưởng và kiểm soát lượng hàng trong kho.

❖ **Phòng xuất nhập khẩu**

Là bộ phận chức năng trợ giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Thực hiện công tác ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hoá;
- ✓ Theo dõi các hợp đồng xuất nhập khẩu.

❖ **Phòng Marketing**

Là bộ phận chức năng trợ giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Mở rộng thị trường cung cấp hàng hoá;
- ✓ Giải đáp thắc mắc của khách hàng, tiếp thu ý kiến khách hàng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm;
- ✓ Chăm sóc khách hàng của Công ty.

Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Công ty đã đáp ứng được với yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc phân cấp của Công ty đối với các bộ phận trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty.

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày 12/10/2009

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	MIRAE FIBER TECH CO., LTD	Yoksam heights 1807-1806, 642-19 Yoksam-dong, Kangnam-ku, Seoul, Hàn Quốc	2.336.413	17,58%
2	SHIN YOUNG SIK	Dong-A @103-508, Jamwon-Dong, Seocho Gu, Seoul, Korea	3.108.781	23,40%
3	CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE FIBER	Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	1.529.000	11,50%
	Tổng		6.974.194	52,48%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ ban đầu

Theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2007, Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Mirae bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	MIRAE FIBER TECH CO., LTD	Yoksam heights 1807-1806, 642-19 Yoksam-dong, Kangnam-ku, Seoul, Hàn Quốc	2.336.413	17,58%
2	SHIN YOUNG SIK	Dong-A @103-508, Jamwon-Dong, Seocho Gu, Seoul, Korea	3.108.781	23,40%
3	LIM JEONG YUL	Dong-A @103-508, Jamwon-Dong, Seocho Gu, Seoul, Korea	605.022	4,55%
	Tổng		6.050.216	45,53%

(Thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập là 3 năm tính từ ngày 6/7/2007)

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 12/10/2009 như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
<i>Trong nước</i>	<i>7.216.750</i>	<i>54,31%</i>
Cá nhân	5.463.390	41,12%
Tổ chức	1.753.360	13,20%
<i>Ngoài nước</i>	<i>6.070.316</i>	<i>45,69%</i>
Cá nhân (chưa niêm yết)	6.050.216	45,53%
Cá nhân	16.600	0,12%
Tổ chức	3.500	0,03%
Tổng cộng	13.287.066	100%

Nguồn: KMR

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành

-  Những công ty mà Công ty Cổ phần Mirae đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
-  Những tổ chức đang nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Mirae: Không có.

5. Tình hình hoạt động, cơ cấu tổ chức, tình hình tài chính, cơ cấu sở hữu và quản trị của Công ty cổ phần Mirae Fiber (Công ty bị sáp nhập)

5.1. Thông tin chung

- Tên gọi Công ty: Công ty cổ phần Mirae Fiber
- Tên giao dịch tiếng Anh: Mirae Fiber Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: KMF
- Địa chỉ: Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0321.3974171
- Fax: 0321.3974172
- Vốn điều lệ: 103.830.540.000 (đồng)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn (bông), tấm gòn chần (tấm bông chần), gòn kim (tấm bông xâm kim); Vải địa kỹ thuật, nguyên phụ liệu ngành may mặc; Sản xuất, gia công và kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may. Sản xuất và lắp ráp các loại máy làm đệm.

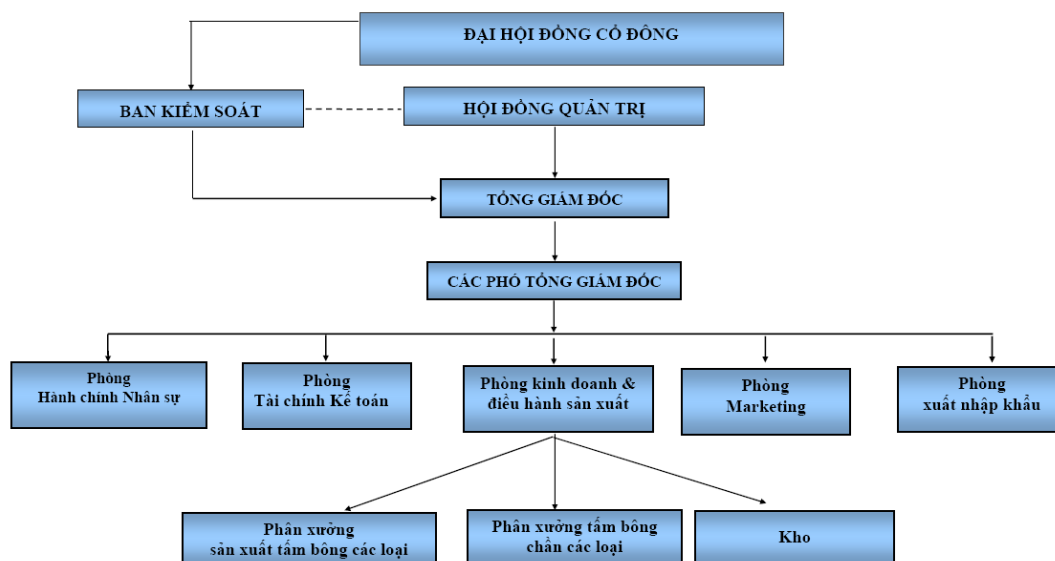
5.2. Giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành và định hướng phát triển Công ty:

- Công ty cổ phần Mirae Fiber tiền thân là Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên, chính thức thành lập ngày 10/12/2004. Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên có chủ

đầu tư là Công ty TNHH Mirae Fiber Tech. Điềm qua quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Mirae Fiber có các cột mốc đáng nhớ như sau:

- Ngày 10/12/2004, Chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Hưng Yên được tách ra hoạt động độc lập và lấy tên là Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD-GPĐC1-HY với mức vốn đăng ký là 5.441.743 đôla Mỹ, thời hạn hoạt động là 44 năm.
- Ngày 13/03/2006, Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên được UBND Tỉnh Hưng Yên chuẩn y việc thay đổi giấy phép đầu tư điều chỉnh vốn đầu tư theo đó vốn đầu tư đăng ký mới là 7.471.243 đôla Mỹ.
- Ngày 30/07/2007, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 8.966.348 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư Số 130/GP-KCN-BD/GCN-ĐC3/05/01.
- Theo tinh thần của Nghị định 101/2006/NĐ-CP ban hành ngày 21 tháng 09 năm 2006 về việc chuyển đổi một số Công ty có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động. Ngày 11/09/2007 Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000001 do UBND tỉnh Hưng Yên chuẩn y việc chuyển nhượng vốn và thành lập công ty cổ phần với mức vốn điều lệ đăng ký là 103.830.540.000 đồng (tương đương với 6.452.709 đôla Mỹ) và hình thức chuyển đổi là “Giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và bán một phần vốn của chủ đầu tư”. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2007.
- Kể từ khi được thành lập dưới hình thức là chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN cho đến khi trở thành công ty cổ phần, Công ty đã liên tục tăng trưởng, không ngừng đầu tư mở rộng sản xuất và ngày càng lớn mạnh. Với những nỗ lực vượt bậc, Công ty đã đạt được nhiều danh hiệu đáng tự hào trong những năm qua:
 - Bằng khen của UBND tỉnh Hưng Yên năm 2005;
 - Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam” do Thời báo kinh tế Việt Nam cấp năm 2006.

Cơ cấu tổ chức



5.3. Cơ cấu sở hữu và quản trị

Stt	Danh mục	Ghi chú
I	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀO 16/09/2007	Tổng cộng: 10.383.054.000 cổ phần mệnh giá 10.000/CP
A	Cổ đông sáng lập	Tỉ lệ Cổ phần nắm giữ
1	Công ty TNHH Mirae Fiber Technology	17,04%
2	Ông SHIN YOUNG SIK (Quốc tịch Hàn Quốc)	20,14%
3	Bà LIM JEONG YUL (Quốc tịch Hàn Quốc)	5,46%
B	Cổ đông khác	
4	Cổ đông nước ngoài	0,27%
5	Các cổ đông khác	57,07%
II	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
1	Ông SHIN YOUNG SIK	Chủ tịch HĐQT
2	Ông PARK JONG CHIL	Ủy viên
3	Ông CHOI YOUNG HO	Ủy viên
4	Bà LIM JEONG YUL	Ủy viên
5	Ông SHIN DONG JIN	Ủy viên

III	BAN KIỂM SOÁT	
1	Ông KIM CHUL SOO	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông NGUYỄN NGỌC LIÊN	Thành viên
3	Bà NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO	Thành viên
IV	BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	
1	Ông PARK JONG CHIL	Tổng Giám đốc
2	Ông CHOI YOUNG HO	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông PHẠM QUANG HỒNG GIANG	Kế toán trưởng

Khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, các thành viên sáng lập của Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên cam kết giữ nguyên phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Mirae Fiber và tiếp tục là các thành viên sáng lập của Công ty này. Điều này thể hiện mong muốn của các cổ đông sáng lập là gắn bó lâu dài và tiếp tục duy trì hoạt động và phát triển Công ty khi Công ty gia nhập thị trường chứng khoán Việt Nam. Do vậy, các cổ đông sáng lập này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng phần vốn góp trong vòng 03 năm kể từ ngày thành lập (ngày 11/09/2007)

5.4. Tình hình hoạt động

Hiện nay, Công ty đang sản xuất, gia công và kinh doanh các nhóm sản phẩm chính là: tấm bông, tấm bông xam kim, tấm bông chần, tấm bông dán, bông hạt, bông sợi, các nguyên phụ liệu ngành dệt may... Nguyên liệu bông hóa học chủ yếu được nhập khẩu, sau đó được xử lý chế biến qua các dây chuyền sản xuất các loại tấm bông cao cấp (Padding) và dây chuyền sản xuất các loại tấm bông chần, tấm bông dán (Quilting và Bonding). Công nghệ sản xuất khép kín, hiện đại, được nhập khẩu chủ yếu từ Hàn Quốc, kết hợp với các chất phụ gia cần thiết để tạo ra các sản phẩm, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về hoá, lý, cũng như hình thức tùy theo yêu cầu của khách hàng. Với các loại sản phẩm được sản xuất qua dây chuyền Padding như tấm bông, tấm bông xam kim, bông hạt, bông sợi phải đảm bảo độ trắng, độ mịn, xốp, đàn hồi và độ bền vật lý. Các sản phẩm sản xuất theo dây chuyền Quilting như tấm bông chần phải đạt được yêu cầu về hình thức và chất lượng theo đơn đặt hàng của các đối tác.

Sản phẩm của Công ty là nguyên liệu đầu vào của ngành may mặc xuất khẩu như các loại áo jacket, áo thể thao..., và ngành chần, gối, đệm. Do vậy, mỗi loại sản phẩm phải đảm bảo tiêu chuẩn gắt gao theo yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm mang nhãn hiệu “Unifil” và “VivaBon” đã được Công ty Mirae Fiber Tech., Ltd đăng ký bản quyền nhãn hiệu sản phẩm và cho phép Công ty Cổ phần Mirae Fiber được sử dụng các nhãn hiệu này. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào thị trường may mặc xuất khẩu tại Việt Nam, Công ty cung ứng tới 70% tổng sản phẩm sản phẩm cho các công ty

may nước ngoài đặt tại Việt Nam như World Best, Global MGP, Habitetx, Beeahn, Hanil, Everpia VietNam... Với thị trường xuất khẩu là các nước có nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc lớn như: Mỹ, Canada, Hàn Quốc, Đan Mạch...

Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính kể trên, Công ty còn kinh doanh các loại bông phế phẩm và một số phụ liệu cho ngành may mặc. Mặc dù, đây không phải là ngành sản xuất kinh doanh chính nhưng cũng mang lại một nguồn thu đáng kể và tạo điều kiện cho Công ty tận dụng tốt các sản phẩm thừa nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Từ năm 2008, Công ty đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất lắp ráp các hệ thống máy móc trong ngành may mặc như máy làm nệm... Theo đơn đặt hàng của khách hàng, công ty thực hiện nhập khẩu các bộ phận điều khiển, điện tử từ Hàn Quốc, Trung Quốc rồi thực hiện gia công cơ khí, lắp ráp tại xưởng cơ khí của công ty. Khách hàng chính của công ty là các đơn vị sản xuất nệm trong nước như Việt Thắng Hải Phòng, Công ty cổ phần Siêu Việt Hà Nội

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm các loại sau:

- Tẩm bông: là loại sản phẩm được sản xuất từ bông hóa học để tạo thành các tấm bông có chất lượng và độ bền vật lý cao, đảm bảo tính đàn hồi và sự liên kết. Sản phẩm tẩm bông dùng để cung cấp cho các ngành may mặc.
- Tẩm bông chần: là loại sản phẩm được sản xuất bằng cách chần các loại tẩm bông và vải hoặc méch bằng chỉ thông qua máy chần điều khiển bằng máy vi tính. Sản phẩm tẩm bông chần được chần theo các loại hoa văn do khách hàng yêu cầu dùng làm các lớp lót áo lạnh, lót chăn, ga, gối, đệm...
- Tẩm bông xâm kim: là loại sản phẩm có đặc tính kỹ thuật cao hơn sản phẩm tẩm bông về độ bền vật lý, độ dai cũng như độ kết dính và tính chất láng mịn bề mặt do phải sử dụng công nghệ sản xuất phức tạp hơn, máy móc thiết bị cũng đòi hỏi phải được đầu tư tiến tiến, hiện đại hơn so với quá trình sản xuất các loại bông khác. Các loại sản phẩm này có đặc điểm kỹ thuật và tính phức tạp rất cao. Tuy từng sợi bông có kích cỡ rất nhỏ tính theo đơn vị milimet nhưng được tạo thành lỗ ở giữa, có loại một lỗ, có loại bốn lỗ. Chỉ có các loại bông này mới đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết để sản xuất ra các sản phẩm may mặc cao cấp vì có tính năng giữ nhiệt chống lại nhiệt độ lạnh bên ngoài. Thời gian sản xuất các loại sản phẩm này tương đối dài nhằm thỏa mãn yêu cầu của các khách hàng cũng như tiêu chuẩn kiểm định của Công ty.
- Bông hạt: là loại bông được sơ chế từ bông hóa học, đây là loại bông xốp có những hạt bông được tạo ra qua quá trình sơ chế, bông hạt được sử dụng để nhồi các loại áo lạnh, chăn, gối.
- Bông sợi: Là loại bông cũng được sản xuất từ bông hóa học nhưng có chất lượng cao hơn, loại bông này được đảm bảo về độ trắng và các đặc điểm kỹ thuật theo yêu

cầu để sản xuất các sản phẩm như gối, áo bông ...Bông sợi được xử lý từ bông xơ qua máy đánh bông tạo ra các sản phẩm bông sợi khác nhau tùy theo thiết kế.

- Tẩm bông dán: là sản phẩm được tạo ra bằng cách dán kết các tấm bông và vải. Các tấm bông dán được sử dụng làm lớp lót áo.
- Tẩm chần thêu: Tẩm chần thêu là một trong các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật kỹ lưỡng. Do phải sử dụng máy chần được điều khiển bằng máy vi tính, được lập trình để sản xuất các hình vẽ, hoa văn trên tấm chần một cách chính xác. Sản phẩm tẩm chần thêu phải thỏa mãn nhu cầu khắt khe của khách hàng.
- Hệ thống máy sản xuất đệm: hiện tại công ty đang sản xuất và lắp ráp các loại máy làm đệm. Các chi tiết điện tử và hệ thống điều khiển của các máy này được nhập từ Hàn Quốc, Trung Quốc... còn các chi tiết cơ khí được gia công tại nhà máy dưới sự giám sát của các kỹ sư Hàn Quốc. Các hệ thống máy được sản xuất theo các đơn đặt hàng của các đơn vị sản xuất đệm trong nước.

Trong mỗi loại sản phẩm chính kể trên, lại được chia ra nhiều mẫu mã khác nhau tùy theo phương thức sản xuất. Với các loại bông thì sự tạo ra các mẫu mã thông qua việc lập trình của máy móc và sự tính toán về nguyên vật liệu đảm bảo yêu cầu thiết kế. Với các sản phẩm tẩm chần thì ngoài các đặc điểm về độ dày của bông, màu sắc của vải, độ dày của tấm chần, bộ phận kỹ thuật phải lập trình cho máy chần tạo ra các hoa văn khác nhau trên tấm chần theo yêu cầu của khách hàng. Trong cơ cấu sản phẩm sản xuất và tiêu thụ của Công ty, các sản phẩm chính kể trên chiếm tỷ lệ trên 90% trong tổng doanh thu tiêu thụ hàng năm.

5.5. Tình hình tài chính KMF

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	30/09/2009	31/12/2008	31/12/2007
1	Vốn điều lệ	103.803	103.803	103.803
2	Tổng Tài sản	213.037	193.722	177.047
3	Doanh thu thuần	134.775	140.787	105.376
4	Giá vốn hàng bán	96.977	113.834	80.773
5	Chi phí bán hàng	7.680	9.670	6.321
6	Chi phí điều hành doanh nghiệp	6.277	7.374	6.463
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.000	9.065	14.523
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.113	797	0
9	Lợi nhuận sau thuế	16.887	8.267	14.523

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ

Hiện nay, Công ty đang sản xuất, gia công và kinh doanh các nhóm sản phẩm chính là: tấm bông, tấm bông xâm kim, tấm bông chăn, bông hạt, bông sợi; các sản phẩm chăn, ra, gối, nệm; các nguyên phụ liệu ngành dệt may... Nguyên liệu bông hóa học chủ yếu được nhập khẩu, sau đó được xử lý chế biến qua các dây chuyền sản xuất các loại tấm bông cao cấp (Padding), dây chuyền sản xuất các loại tấm bông chăn (Quilting) và dây chuyền sản xuất nệm. Công nghệ sản xuất khép kín, hiện đại, được nhập khẩu chủ yếu từ Hàn Quốc, nguyên liệu đầu vào kết hợp với các chất phụ gia cần thiết để tạo ra các sản phẩm, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về hoá, lý, cũng như hình thức phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng. Với các loại sản phẩm được sản xuất qua dây chuyền Padding như tấm bông, tấm bông xâm kim, bông hạt, bông sợi, nệm phải đảm bảo độ trắng, độ mịn, xốp, đàn hồi và độ bền vật lý. Các sản phẩm sản xuất theo dây chuyền Quilting như tấm bông chăn phải đạt được yêu cầu về hình thức và chất lượng theo đơn đặt hàng của các đối tác. Đặc biệt, nệm Padding phải đạt tiêu chuẩn chất lượng cao về độ đàn hồi và độ bền.

Sản phẩm của Công ty là nguyên liệu đầu vào của ngành may mặc xuất khẩu như các loại áo jacket, áo thể thao, ghế sofa, thú nhồi bông... và ngành chăn, ra, gối, nệm. Do vậy, mỗi loại sản phẩm phải đảm bảo độ chính xác cao và chặt chẽ theo tiêu chuẩn của khách hàng. Các sản phẩm mang nhãn hiệu “Unifil” và “VivaBon” đã được Công ty Mirae Fiber Tech., Ltd đăng ký bản quyền nhãn hiệu sản phẩm và cho phép Công ty Cổ phần Mirae được sử dụng các nhãn hiệu này. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào thị trường may mặc xuất khẩu tại Việt Nam, Công ty cung ứng tới 70% tổng sản phẩm cho các công ty may tại Việt Nam như Hàn Việt, AB Blaklader (Thụy Sĩ), Guston Molinel SA (Pháp), Habitetex (Đức), Everpia VietNam, Sankei (Nhật Bản)... với thị trường xuất khẩu là các nước có nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc lớn như: Trung Quốc, Malaysia, Srilanka, Myanmar, Hàn Quốc...

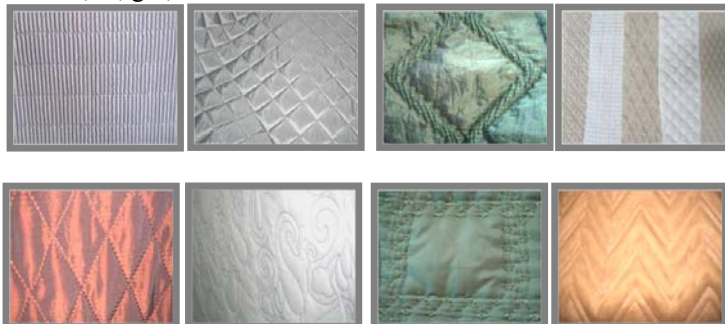
Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính kể trên, Công ty còn kinh doanh các loại bông phế phẩm và một số phụ liệu cho ngành may mặc. Mặc dù đây không phải là ngành sản xuất kinh doanh chính nhưng cũng mang lại một nguồn thu đáng kể và tạo điều kiện cho Công ty tận dụng tốt các sản phẩm thừa, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm các loại sau:

Tấm bông: Là loại sản phẩm được sản xuất từ bông hóa học để tạo thành các tấm bông có chất lượng và độ bền vật lý cao, đảm bảo tính đàn hồi và sự liên kết. Sản phẩm tấm bông dùng để cung cấp cho các ngành may mặc;



Tấm bông chần: Là loại sản phẩm được sản xuất bằng cách chần các loại tấm bông và vải hoặc méch bằng chỉ thông qua máy chần điều khiển bằng máy vi tính. Sản phẩm tấm bông chần được chần theo các loại hoa văn do khách hàng yêu cầu dùng làm các lớp lót áo lạnh, lót chăn, ra, gối, nệm...



Tấm bông xâm kim: Là loại sản phẩm có đặc tính kỹ thuật cao hơn sản phẩm tấm bông về độ bền vật lý, độ dai cũng như độ kết dính và tính chất láng mịn bề mặt do phải sử dụng công nghệ sản xuất phức tạp hơn, máy móc thiết bị cũng đòi hỏi phải được đầu tư tiên tiến, hiện đại hơn so với quá trình sản xuất các loại bông khác. Các loại sản phẩm này có đặc điểm kỹ thuật và tính phức tạp rất cao. Tuy từng sợi bông có kích cỡ rất nhỏ tính theo đơn vị milimet nhưng được tạo thành lỗ ở giữa, có loại một lỗ, có loại bốn lỗ. Chỉ có các loại bông này mới đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết để sản xuất ra các sản phẩm may mặc cao cấp vì có tính năng giữ nhiệt, chống lại nhiệt độ lạnh bên ngoài. Thời gian sản xuất các loại sản phẩm này tương đối dài nhằm thỏa mãn yêu cầu của các khách hàng cũng như tiêu chuẩn kiểm định của Công ty;

Bông hạt: Là loại bông được sơ chế từ bông hóa học, đây là loại bông xộp có những hạt bông được tạo ra qua quá trình sơ chế. Bông hạt được sử dụng để nhồi các loại áo lạnh, chăn, gối, thú nhồi bông;



Bông sợi: Là loại bông cũng được sản xuất từ bông hóa học nhưng có chất lượng cao hơn. Loại bông này được đảm bảo về độ trắng và các đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu để sản xuất các sản phẩm như gối, áo bông... Bông sợi được xử lý từ bông xơ qua máy đánh bông tạo ra các sản phẩm bông sợi khác nhau tùy theo thiết kế;



Tấm bông dán: Là sản phẩm được tạo ra bằng cách dán kết các tấm bông và vải. Các tấm bông dán được sử dụng làm lớp lót áo;



Tấm chăn thêu: Tấm chăn thêu là một trong các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao, do phải sử dụng máy chăn được điều khiển bằng máy vi tính. Máy tính được lập trình để sản xuất các hình vẽ, hoa văn trên tấm chăn một cách chính xác. Sản phẩm tấm chăn thêu phải thoả mãn các yêu cầu khắt khe của khách hàng;



Trong các loại sản phẩm chính kể trên, mỗi sản phẩm được chia ra nhiều mẫu mã, chủng loại khác nhau tùy theo phương thức sản xuất. Mỗi loại sản phẩm được phân biệt bởi các mẫu mã thông qua việc lập trình của máy móc và nguyên vật liệu được chọn lọc để đảm bảo yêu cầu thiết kế. Với các sản phẩm tấm chăn thì ngoài các đặc điểm về độ dày của bông, màu sắc của vải, độ dày của tấm chăn, bộ phận kỹ thuật còn phải lập trình cho máy chăn tạo ra các hoa văn khác nhau trên tấm chăn theo yêu cầu của khách hàng;

Trong cơ cấu sản phẩm sản xuất và tiêu thụ của Công ty, các sản phẩm chính kể trên chiếm tỷ lệ trên 90% trong tổng doanh thu tiêu thụ hàng năm;

Nệm Padding: Nệm bông Padding được ép theo tiêu chuẩn Hàn Quốc có độ phẳng cao khi sử dụng, thông khí tốt, thoát ẩm nhanh, sợi bông phát ra tia hồng ngoại giúp diệt khuẩn và kích thích giấc ngủ ngon, có lợi cho quá trình tuần hoàn máu của người sử dụng, không gây đau lưng, mệt mỏi sau khi ngủ... Đây được xem là một trong những sản phẩm chủ lực cho sự phát triển của Công ty trong tương lai. Hiện nay, sản phẩm của Công ty đang rất được ưa chuộng trên thị trường Việt Nam, và đặc biệt được ưa chuộng trên thị trường Hàn Quốc;



Chăn, ra, gối, nệm gòn: áp dụng công nghệ chăn gòn hiện đại với nhiều mẫu mã đa dạng, phong phú và nguyên liệu được nhập khẩu trực tiếp từ Hàn Quốc. Ngoài chất liệu 100% cotton, VivaBon còn sử dụng chất liệu CVC với 50% cotton, ít nhăn, giảm thiểu các tác nhân gây bẩn từ bên ngoài. đặc điểm của CVC là không bị đổ lông và vẫn giữ

được vẽ mềm mại của vải sau nhiều lần giặt. Nệm bông ép VivaBon được làm từ nguyên liệu bông ép, do hàng nghìn lớp bông ép chặt lại nên nệm có độ phẳng và độ đàn hồi cao khi sử dụng, hơn nữa lại được sản xuất theo tiêu chuẩn và công nghệ Hàn Quốc nên không bị lún, xẹp. Với mục đích chú trọng đến sức khỏe của người sử dụng, nệm VivaBon có khả năng thông khí tốt, thoát ẩm nhanh, có độ phẳng cao, tốt cho quá trình tuần hoàn máu của người sử dụng, phù hợp cho người bị đau lưng, tạo giấc ngủ ngon. Vỏ nệm Padding được làm từ vải gấm có độ bền cao. Vỏ nệm Ceramic được làm từ chất liệu 100% cotton và được chần gòn nên tạo ra sự êm ái cho người sử dụng và có thể tháo rời để giặt. Nệm có thể gấp lại giúp dễ di chuyển và có thể dùng như ghế sofa. Nệm gòn Padding và Ceramic có trọng lượng nặng hơn so với các sản phẩm cùng loại có mặt trên thị trường.



Nệm lò xo: được tạo bởi thiết bị máy móc hiện đại, nệm lò xo thương hiệu VivaBon được sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc, tiêu chuẩn Châu Âu. Sản phẩm của Công ty bao gồm 2 loại nệm lò xo:

- Nệm lò xo túi độc lập: Hệ thống lò xo cao cấp được chia thành từng ngăn riêng biệt. Các vòng xoắn lò xo được xử lý nhiệt và dầu nhằm chống lại sự xẹp lún và tăng tối đa khả năng chịu lực. Do đó, nệm có thể hỗ trợ tốt nhất những đường cong tự nhiên của cơ thể và đồng thời nâng đỡ cột sống của người sử dụng. Lớp áo được bọc bằng chất liệu Damash sang trọng và được chần gòn dày 25 mm theo công nghệ Hàn Quốc nên tạo sự êm ái dễ chịu cho giấc ngủ. Hệ thống lò xo túi được bao bọc một cách riêng biệt nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng do cử động của người bên cạnh, giúp người sử dụng có một giấc ngủ ngon phù hợp sử dụng cho các cặp vợ chồng.
- Nệm lò xo liên kết bonnel: khung nệm rắn chắc, độ bền cao bởi các thanh thép chịu lực, đồng thời các vòng xoắn lò xo có đường kính 2,4 mm được xử lý bằng nhiệt và dầu nhớt nên nệm không bị xẹp lún trong khi sử dụng và luôn giữ được hình dáng ban đầu. Lớp nệm xốp có tỷ trọng cao nhằm tăng sức chịu lực và thoáng khí đem lại sự thoải mái cho cơ thể.



6.2. Doanh thu, lợi nhuận từng nhóm sản phẩm dịch vụ

6.2.1. Tình hình sản lượng tiêu thụ

Bảng 6.2.1: Sản lượng sản phẩm được tiêu thụ qua các năm

STT	Sản phẩm	ĐVT	2007	2008	Q3/2009
1	Bông tấm	yard	9.809.057	12.089.088	8.651.100
2	Bông chăn	yard	1.581.632	1.531.006	848.521
3	Ra gối nệm	cái	121.089	66.730	162.360
4	Dịch vụ gia công	yard	147.300	131.824	147.902
5	Bán hàng hóa	set	-	1	
6	Thành phẩm nệm lò xo	cái	-	-	2.059

Nguồn: KMR

(Ghi chú: bán hàng hóa là công ty nhập khẩu 1 dây chuyền sản xuất nệm bán cho khách hàng)

Do có lợi thế từ nguồn nguyên vật liệu tự sản xuất nên giá thành nguyên vật liệu đầu vào khá cạnh tranh so với các công ty cùng ngành. Dù mới phát triển từ năm 2007 nhưng sản phẩm chăn, ra, gối, nệm của Công ty luôn đứng đầu về chất lượng, không ngừng tăng thị phần trong thời gian qua và góp phần tăng doanh thu khá cao. Công ty sẽ mở rộng thị phần ra thị trường miền Trung và miền Bắc, hứa hẹn doanh thu ngành hàng này tăng mạnh trong thời gian sắp tới.

Ngoài ra, Công ty đã mở rộng thêm ngành hàng nhập khẩu máy móc chuyên ngành nệm để bán trong nước. Trong năm 2008, Công ty đã nhập 1 dây chuyền máy làm nệm để bán cho khách hàng, doanh thu từ dây chuyền này là 17,7 tỷ đồng. Tuy nhiên, ngành hàng này không ổn định do phụ thuộc vào đơn đặt hàng của khách hàng.

Để phát triển và đa dạng hàng hóa, Công ty đầu tư thêm sản phẩm nệm lò xo từ đầu năm 2009, và tính đến Q3/2009, doanh thu đã đạt hơn 2 tỷ đồng, chiếm 4,2% tổng doanh thu.

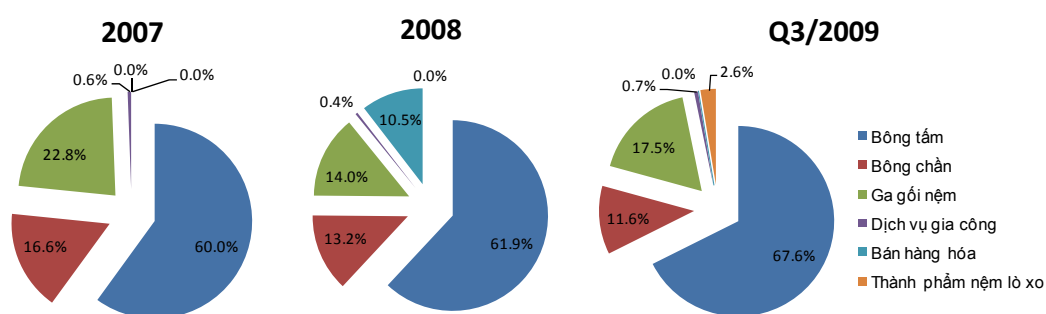
6.2.2. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh từng nhóm sản phẩm dịch vụ

Bảng 6.2.2: Doanh thu qua các năm

ĐVT: triệu đồng

STT	Sản phẩm	2007	2008	Q3/2009
1	Bông tấm	78.694	105.123	73.262
2	Bông chăn	21.766	22.396	12.601
3	Ra gối nệm	29.884	23.765	18.952
4	Dịch vụ gia công	782	673	712
5	Bán hàng hóa	-	17.752	
6	Thành phẩm nệm lò xo	-	-	2.809
	Tổng cộng	131.126	169.709	108.336

Nguồn: KMR



KMR liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây, thể hiện qua tốc độ tăng doanh thu thuần năm 2007 và 2008 lần lượt là 53,5% và 29,3%. Có thể nói đây là mức tăng trưởng khá cao. Tuy nhiên do ảnh hưởng của kinh tế thế giới suy thoái, tăng trưởng năm 2008 giảm so với năm 2007 là do tỉ trọng hàng hóa xuất khẩu của Công ty khá cao (trung bình chiếm 47%).

Bông tấm luôn là sản phẩm truyền thống và chủ lực của KMR với tỷ trọng trong tổng doanh thu là 60%, 61,9%, 67,6% lần lượt trong năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009.

Tổng sản lượng thành phẩm truyền thống (bông tấm, bông chăn và gia công) năm 2008 đạt hơn 13,75 triệu yard, trong đó bông tấm chiếm 88%, tăng 19,2% so với năm 2007, góp phần làm tăng doanh thu trong năm 2008.

Ngoài sản phẩm truyền thống, Công ty đã và đang có chiến lược phát triển mạnh sản phẩm chăn ra gối nệm tại thị trường nội địa. Doanh thu từ ngành hàng mới này chiếm lần lượt 22,8%, 14%, 17,5% trong năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009.

6.2.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

ĐVT: triệu đồng

STT	Sản phẩm	2007		2008		Q3/2009	
		Lợi nhuận gộp	%/Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	%/Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	%/Doanh thu thuần
1	Bông tấm	22.674	17,29%	37.231	21,94%	25.489	23,53%
2	Bông chăn	4.074	3,11%	4.088	2,41%	2.542	2,35%
3	Ra gối nệm	11.703	8,93%	180	0,11%	2.667	2,46%
4	Dịch vụ gia công	181	0,14%	255	0,15%	47	0,04%
5	Bán hàng hóa	-	0,00%	2.077	1,22%	-	0,00%
6	Thành phẩm nệm lò xo	-	0,00%	-	0,00%	(212)	-0,20%
	Tổng cộng	38.632	29,46%	43.831	25,83%	30.533	28,18%

Nguồn: KMR

Nhìn chung, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty được kiểm soát một cách ổn định và ở mức hợp lý. Lợi nhuận gộp trên doanh thu lần lượt là 29%, 26%, 28% qua các năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009.

6.3. Nguyên vật liệu

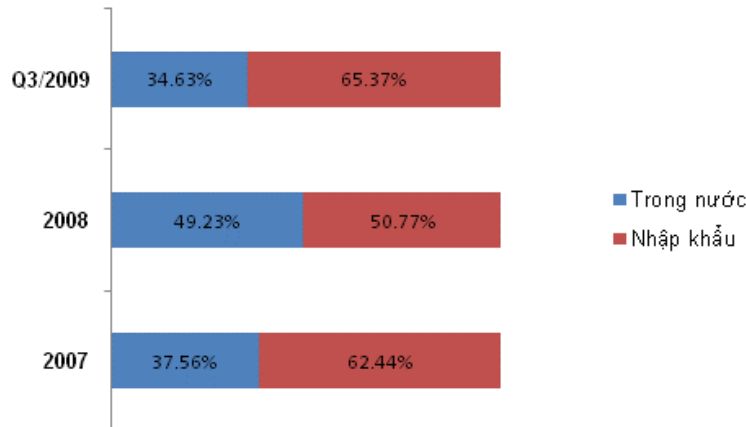
Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Công ty là các loại bông hóa học được sản xuất bằng công nghệ cao đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Loại cao cấp nhất là loại bông dạng ống có lỗ ở giữa từng sợi bông (có từ 1 đến 4 lỗ), có tác dụng giữ nhiệt mà bông tự nhiên không thể đáp ứng được, loại bông này được dùng để sản xuất quần áo jacket, quần áo thể thao, thú nhồi bông và chăn, ra, gối, nệm. Tùy theo yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại sản phẩm mà Công ty sử dụng các loại bông nguyên liệu khác nhau. Có thể kể ra các loại bông nguyên liệu đầu vào chính được sử dụng như: bông polieste 7Dx64 mm; 3Dx51mm, 6Dx51mm, 7Dx32mm/có silicon, không có silicon... Ngoài các nguyên liệu chính, Công ty còn sử dụng các loại nguyên liệu phụ để tạo ra các loại sản phẩm khác nhau. Các loại nguyên liệu phụ được sử dụng như: keo polyme acrylic, chỉ may các loại, ny lông...

Bảng 6.3.1: Cơ cấu nguồn nguyên vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	2007		2008		Q3/2009	
1	Chỉ	1.361	1,76%	1.427	1,60%	804	1,15%
2	Fiber	51.771	67,02%	53.020	59,45%	49.332	70,80%

3	Resin	10.946	14,17%	13.089	14,68%	7.490	10,75%
4	Vải	3.853	4,99%	8.941	10,03%	3.991	5,73%
5	Mousse	1.151	1,49%	160	0,18%	779	1,12%
6	Gas	6.413	8,30%	8.625	9,67%	4.649	6,67%
7	Nylon	1.753	2,27%	3.126	3,51%	2.158	3,10%
8	Khác	0	0,00%	790	0,89%	474	0,68%
	Tổng cộng	77.247	100%	89.179	100%	69.677	100%

Nguồn: KMR



Hoạt động mua hàng chủ yếu là việc mua nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu chiếm hơn 50%, chủ yếu là Fiber (xơ polyeste chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất qua các năm. Resin (chất hoàn tất dùng trong ngành dệt) đứng vị trí thứ 2 sau Fiber và nguồn này được mua chủ yếu tại thị trường nội địa.

Do Công ty có quan hệ tốt với các nhà cung cấp và có thêm sự hỗ trợ của Mirae Fiber Tech Co.,ltd (Hàn Quốc) nên nguồn nguyên liệu nhập khẩu khá ổn định. Do sản phẩm của Công ty chủ yếu dùng để xuất khẩu cho nên rủi ro về tỷ giá không tác động nhiều. Trong những năm gần đây, Công ty đã tích cực tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu trong nước để thay thế cho nhập khẩu và nguồn này tăng đáng kể chiếm khoảng từ 37% đến 49% trên tổng giá trị nguồn nguyên vật liệu.

Bảng 6.3.2: Danh sách các nhà cung ứng nguyên vật liệu, phụ liệu

STT	Nhà cung cấp	Xuất xứ	Tên nguyên vật liệu	Ghi chú
1	MIRAE FIBER TECH Co.,LTD	Hàn Quốc	FIBER	NVL chính - SX Padding
2	CHUNG - CHUNG SHING TEXTILE MARKETING CO.,LTD	Taiwan	(Sợi bông nhân tạo	
3	INDOR - INDORAMA POLYESTER INDUSTRIES PCL	Thái Lan	- polyester)	
4	SMING - SHING MING IND., CO LTD	Taiwan		
5	FAR EASTERN TEXTILE LTD	Taiwan		
6	MIRAE FIBER TECH Co.,LTD	Hàn Quốc	RESIN	NVL chính - SX Padding
7	CTY TNHH WOLSUNG VINA	Việt nam	(Keo)	
8	Công Ty TNHH C.T POLYMER	Việt nam		
9	Công ty TNHH SHINHAN VINA	Việt nam		
10	KH_WONYG - WONYOUNG NON-WOVEN FABRIC CO.,LTD	Hàn Quốc	VAI không dệt	NVL chính - SX Nệm lò xo
11	VINA FOAM CO.,LTD	Việt nam		
12	CTY TNHH TMV VINA	Việt nam		
13	HESH_HESHAN CENTRAL ASIA TRADE DEVELOPMENT CO.,LTD	China	Thép	NVL chính - SX Nệm lò xo

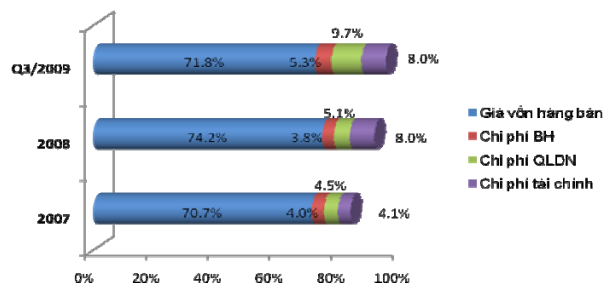
Nguồn: KMR

6.4. Chi phí sản xuất

Bảng 6.4.1: Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần

ĐVT: triệu đồng

Chi phí	2007	%	2008	%	Q3/2009	%
Giá vốn hàng bán	92.713	70,7	125.877	74,2	77.804	71,8
Chi phí BH	5.274	4,0	6.373	3,8	5.739	5,3
Chi phí QLDN	5.882	4,5	8.697	5,1	10.557	9,7
Chi phí tài chính	5.435	4,1	13.531	8,0	8.646	8,0
Tổng cộng	109.304	100%	154.479	100%	102.746	100%



Do hình thức bán hàng là giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho hoặc ra cảng nên chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí vận chuyển thành phẩm, chi phí thuê xe ngoài để giao hàng. Các chi phí này chiếm khoảng 50%-60% tổng chi phí bán hàng. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2009, chi phí bán hàng tăng lên và chiếm 5,3% trên doanh thu là do Công ty đầu tư mở rộng thêm các đại lý và tăng cường quảng cáo cho dòng sản phẩm chăn, ra, gối, nệm.

Về Chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty đã kiểm soát tốt và ở mức hợp lý. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2009 chi phí này tăng lên 9,7% trên doanh thu do việc mở rộng hệ thống đại lý cho ngành hàng chăn, ra, gối, nệm, trích lập dự phòng phải thu khó đòi và chi phí kiểm toán theo chuẩn quốc tế IFRS cho 3 năm 2006-2008 và 6 tháng đầu năm 2009.

Trong cơ cấu chi phí tài chính, chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và chi phí lỗ do chênh lệch tỷ giá (Công ty phải nhập khẩu 80-90% lượng sợi bông từ nước ngoài mà sợi bông chiếm từ 60-70% giá trị nguồn nguyên vật liệu) và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

6.5. Trình độ công nghệ và quy trình sản xuất

6.5.1. Trình độ công nghệ:

➤ Hệ thống nhà xưởng

Hệ thống nhà xưởng của Công ty thuộc tiêu chuẩn hiện đại với diện tích lớn đủ điều kiện để lắp đặt các dây chuyền sản xuất tiên tiến đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Hiện nay, Công ty đã đưa vào hoạt động ba xưởng sản xuất bông nguyên liệu, tấm gòn và ruột nệm với tổng diện tích 4.371m², một xưởng chần bông diện tích 2.340m² và hệ thống kho bãi diện tích 300m². Tuy nhiên, với nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ và mở rộng sản xuất, đa dạng hoá các sản phẩm của mình, Công ty đã xây dựng xong một nhà xưởng mới (diện tích 1.800 m²) dùng để sản xuất nệm lò xo. Ngoài ra, Công ty còn có kế hoạch tiếp tục mở rộng quy mô nhà xưởng sản xuất trong tương lai.

Bảng 6.5.1.1: Danh mục nhà xưởng KMR tại thời điểm 30/9/2009

STT	Tên nhà xưởng	Chức năng/nhiệm	Diện tích (m ²)	Sản phẩm sản xuất
1	Nhà xưởng Padding 1	Cán bông	3.390 m ²	Tấm Bông, ruột nệm
2	Nhà xưởng Padding 2	Cán bông	981 m ²	Tấm Bông, ruột nệm
3	Nhà xưởng Quilting	May, chần	2.059 m ²	Tấm chần
4	Nhà xưởng sản xuất Nệm thành phẩm	May, chần	1.100 m ²	ra, gối, nệm
5	Kho	Lưu hàng	300 m ²	Lưu hàng
6	Nhà xưởng sản xuất nệm lò xo	Sản xuất nệm	1.800 m ²	Nệm lò xo

Nguồn: KMR

➤ **Hệ thống máy móc, công nghệ**

Máy móc, thiết bị của Công ty hiện có thuộc thể hệ công nghệ hiện đại, công suất lớn đảm bảo cho Công ty sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng, phong phú về mẫu mã và chủng loại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, đảm bảo khả năng cạnh tranh cao trong ngành sản xuất tấm bông, tấm bông chần, nệm bông các loại và các vật liệu phụ cung cấp ngành công nghiệp may mặc, sản xuất chần, ra, gối, nệm.

Do đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty mang tính thời vụ, vụ sản xuất kinh doanh chính chỉ diễn ra trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 10 hàng năm. Vào chính vụ, máy móc thiết bị vận hành hết 100% công suất nhưng vào các thời điểm không phải mùa vụ, máy móc chỉ vận hành vào khoảng 25% nên công suất trung bình cả năm của máy móc thiết bị vận hành tối đa khoảng 75%.

Bảng 6.5.1.2: Danh mục hệ thống máy móc thiết bị chính của KMR

STT	Dây chuyền, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Năm đưa vào sử dụng	Công suất thiết kế - vận hành
1	Dây chuyền sản xuất tấm bông (Padding)	04	Hàn Quốc	Sản xuất ra tấm bông	2004-2006	8.000 yard/8h
2	Máy chần bông điều khiển bằng vi tính (Computer)	24 (vi tính)	Hàn Quốc	Sản xuất ra tấm bông chần (bọc vải, họa tiết và	2002 - 2007	4 yard/1h – phức tạp 50 yard/1h

STT	Dây chuyền, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Năm đưa vào sử dụng	Công suất thiết kế - vận hành
	Quilting Machine)			hoa văn tinh xảo)		– đơn giản
3	Dây chuyền sản xuất nệm	01	Hàn Quốc	Sản xuất ra nệm thô	2007	800 tấm/8h
4	Máy chần bông bán tự động	15 (máy cơ)	Hàn Quốc	Sản xuất ra tấm bông chần (bọc vải, họa tiết, hoa văn các loại)	2002-2007	35 yard/1h – đơn giản
5	Máy đóng gói tự động	05	Hàn Quốc	Ép bông, chụp nilong, tự hút không khí và thắt nút	2002	730.000 cây
6	Máy cuộn chỉ	03	Hàn Quốc	Cuộn chỉ	2002	109.500 cuộn
7	Máy cuộn vải	01	Hàn Quốc	Cuộn vải	2002	16.500 cuộn
8	Máy cuộn thành phẩm	02	Hàn Quốc	Cuộn thành phẩm	2002	96.500 cuộn
9	Máy tạo lò xo liên kết	01	Trung Quốc	Tạo lò xo	2008	1.600 lò xo/h
10	Máy ráp tấm lò xo liên kết	01	Trung Quốc	Liên kết lò xo thành tấm	2008	2,5 tấm/h
11	Máy tạo lò xo túi	01	Trung Quốc	Tạo lò xo	2008	1.200 lò xo/h
12	Máy tạo ráp tấm lò xo túi	01	Trung Quốc	Liên kết lò xo thành tấm	2008	2 tấm/h
13	Máy chần vải	01	Trung Quốc	Tạo họa văn trên tấm	2008	50m/h
14	Máy may viền	02	Trung Quốc	May viền nệm	2008	4 tấm/h

Nguồn: KMR

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ MÁY MÓC THIẾT BỊ CỦA CÔNG TY

❖ Dây chuyền sản xuất Padding



Dây chuyền SX tấm



Máy Là



Máy Cuộn



Bảng điều khiển nhiệt



Bảng điều khiển hệ thống



❖ Dây chuyền sản xuất Quilting



Máy chân bông vi tính



Bảng điều khiển

6.5.2. Quy trình sản xuất

Công ty áp dụng các dây chuyền công nghệ máy móc hiện đại vào sản xuất các sản phẩm của mình đạt tiêu chuẩn cao, được khách hàng thừa nhận. Tại Công ty Cổ phần Mirae, sản phẩm được sản xuất chủ yếu qua bốn quy trình sản xuất các loại tấm bông cao cấp (Padding), Quy trình sản xuất các loại tấm bông chần và tấm bông dán (Quilting và Bonding), Quy trình sản xuất nệm (Mattress), Quy trình sản xuất chần, ra, gối, nệm lò xo.

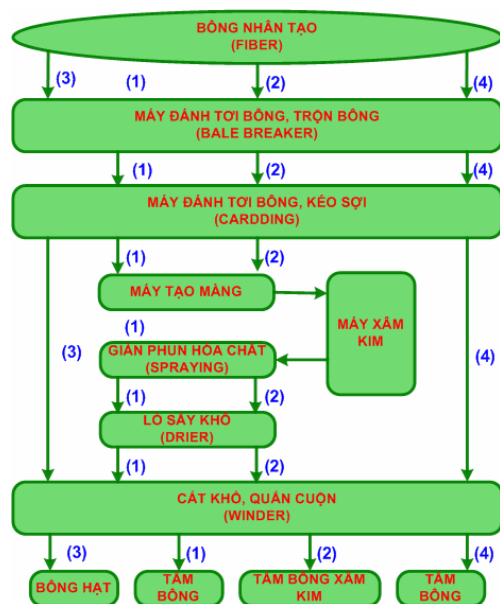
❖ Quy trình sản xuất các sản phẩm bông cao cấp (Quy trình Padding)

Nguyên liệu đầu của quy trình này là bông nhân tạo các loại (Fiber) và hoá chất các loại (Resin). Bông nhân tạo được đưa vào cân lên theo tỉ lệ phần trăm của từng loại sản

phẩm cần sản xuất, sau đó đưa vào máy, máy đánh toi bông, trộn bông (Ball Breaker), thổi lên thùng máy đánh toi bông và kéo sợi (Cardding). Bông từ thùng đựng được đưa vào máy đánh toi bông và kéo sợi theo trọng lượng từng loại hàng, sau đó đưa qua dàn trải bông để xếp thành từng lớp tùy theo trọng lượng từng loại hàng. Hoá chất được đưa vào theo tỷ lệ phần trăm và costing của từng loại hàng, sau đó được bơm áp lực bơm lên theo áp lực của từng loại sản phẩm. Bông sau khi đã được phun hoá chất sẽ đi vào lò sấy khô ở nhiệt độ từ 150°C – 170°C. Bông sau khi đã được khô được đưa qua dao cắt khổ theo yêu cầu và quấn cuộn, đóng gói.

Các sản phẩm của Quy trình Padding

Tấm bông: Sợi xơ thô được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi cho vào máy đánh bông, sau đó được máy đánh bông đánh thành sợi nhỏ thổi vào máy tạo màng qua hệ thống ống dẫn, tại đây bông sợi được liên kết lại thành màng và được xếp thành nhiều lớp khác nhau tùy theo độ dày sản phẩm. Sau đó được đưa sang giàn phun resin, giàn phun sẽ phun keo để kết dính các lớp màng bông với nhau. Tùy theo độ dày của tấm bông mà giàn phun sẽ kết dính các lớp màng bông dày hay mỏng khác nhau đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về độ kết dính của keo, độ đàn hồi và liên kết của tấm bông. Sau khi được phun keo, các tấm bông sẽ được đưa sang máy sấy để sấy khô lớp keo rồi đưa lớp bông vừa sấy sang máy ủi, máy ủi sẽ tạo cho tấm bông phẳng hơn, nhẵn hơn nâng cao tính liên kết của các sợi bông với nhau và tạo ra loại bông tấm có chất lượng tốt đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra.



(1): Quy trình sản xuất tấm bông

(2): Quy trình sản xuất tấm bông xâm kim

(3): Quy trình sản xuất bông hạt

(4): Quy trình sản xuất bông sợi.

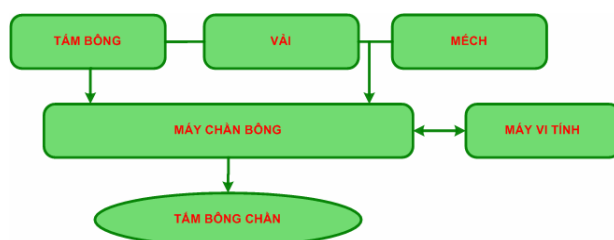
Tấm bông xâm kim: Quy trình sản xuất bông xâm kim cũng gần giống như sản xuất tấm bông. Nhưng do đây là loại sản phẩm có yêu cầu cao hơn nên trong giai đoạn tạo màng bông, máy tạo màng được đặt ở chế độ tạo ra các lớp bông có độ dày khác nhau, sau đó các tấm bông được đưa sang máy xâm kim ép các tấm bông lại với nhau tạo ra loại bông có độ dai hơn các loại tấm bông khác, có loại được qua các giai đoạn phun keo, sấy khô và ủi, sản phẩm tạo ra sau đó được đóng gói và xuất cho khách hàng.

Bông hạt: Sợi xơ thô được kiểm tra trước khi đưa vào máy đánh bông, máy đánh bông sẽ được cài đặt chế độ tạo bông hạt để tạo ra sản phẩm bông mới có những hạt bông nhỏ xen lẫn các sợi bông, đảm bảo yêu cầu về độ trắng và các yếu tố kỹ thuật quy định, sau đó bông hạt được đưa vào máy đóng gói thành phẩm.

Bông sợi: Quy trình sản xuất của bông sợi cũng được thực hiện như việc sản xuất bông hạt tuy nhiên do cấu tạo sản phẩm khác nhau nên ở giai đoạn đánh bông, máy được đặt ở chế độ tạo bông sợi.

❖ Quy trình sản xuất tấm bông chăn và tấm bông dán

Quy trình sản xuất tấm bông chăn (Quilting): Tấm bông và vải hoặc méch, được đưa vào máy chăn bông điều khiển bằng máy vi tính tự động hoặc máy cơ, may 1 hoặc 2 mặt tùy theo khách hàng (1 mặt là vải, 1 mặt là méch hoặc vải dưng), hoa văn theo mẫu thiết kế sẵn trong máy tính được kết nối với máy chăn bông để đảm bảo độ chính xác và hình thức của hoa văn được thiết kế đều theo yêu cầu kỹ thuật. Tấm bông chăn thành phẩm được đóng gói nylon chuyển cho khách hàng.



Quy trình sản xuất tấm bông dán (Bonding): Vải dán được đưa vào máy dán (bonding) lớp keo trong máy dán được dán lên bề mặt của vải. Bông được chạy trên quả lô cuộn tịnh tiến cùng chiều với vải. Bông và vải được kết dính bằng lớp keo trong máy dán cùng chạy qua quả ra nhiệt tạo ra tấm bông dán, tấm bông dán sẽ được đóng gói nylon chuyển vào kho.



❖ **Quy trình sản xuất nệm Padding (Matress)**

Nguyên liệu sản xuất sản phẩm này là bông nhân tạo các loại (Fiber).

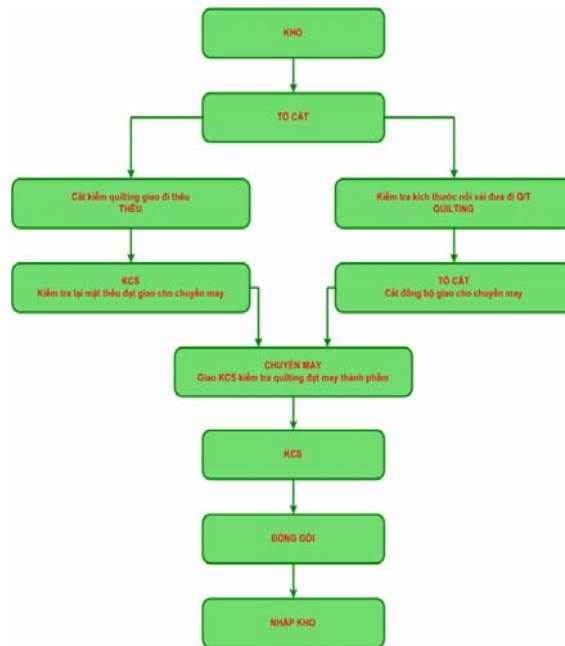
Bông nhân tạo được đưa vào cân lên theo tỉ lệ phần trăm của từng loại sản phẩm cần sản xuất. Sau đó, bông được đưa vào máy đánh tơi, trộn bông (Ball Breaker) và thổi lên thùng máy đánh tơi bông, kéo sợi (Cardding). Bông từ thùng chứa được đưa vào máy Cardding theo trọng lượng từng loại sản phẩm. Sau đó, được đưa qua dàn trải bông để xếp thành từng lớp tùy theo trọng lượng từng loại sản phẩm.

Sau đó đưa vào lò ép nhiệt theo trọng lượng và độ dày của từng loại hàng. Lò ép nhiệt được duy trì ở nhiệt độ từ 80°C đến 120°C, sau đó được chuyển sang quạt thổi nguội.

Sau khi làm nguội, sản phẩm được đưa qua dao cắt theo khổ của từng sản phẩm và theo yêu cầu khách hàng, đóng gói, vận chuyển đến khách hàng.



❖ **Quy trình sản xuất chăn, ra, gối, nệm lò xo**
Quy trình sản xuất chăn, ra, gối (bedding)



Quy trình sản xuất nệm lò xo

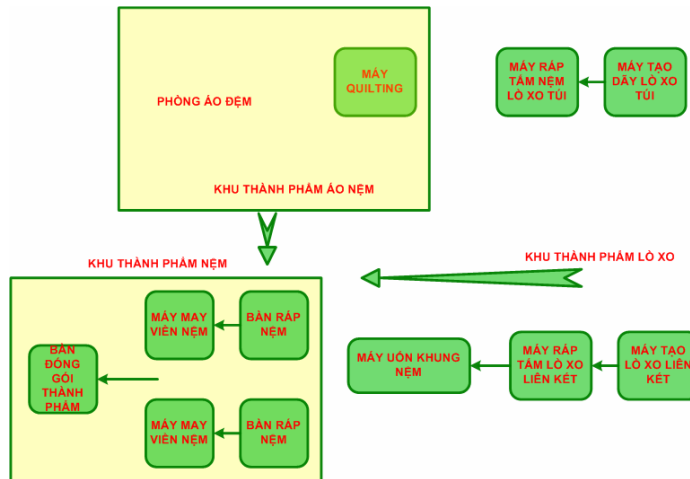
Với công nghệ sản xuất nệm lò xo, công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất theo hai dòng sản phẩm: Dòng sản phẩm cao cấp với hệ thống lò xo túi độc lập (Pocket Spring System) tạo ra tấm nệm êm ái không gây tiếng động ảnh hưởng người nằm bên cạnh; Dòng sản phẩm thứ hai với hệ thống lò xo liên kết (Bonnell Spring System), các lò đan liên kết với nhau tạo sự thông thoáng và đàn hồi cao không gây xẹp lún gây lò xo.

Hệ thống lò xo túi: Đầu tiên từ những cuộn thép đường kính 2,08mm được vận hành từ máy tạo lò xo túi cho ra từng dãy lò xo túi theo kích thước đã điều chỉnh sẵn và được chuyển sang máy ráp tấm lò xo, với công nghệ phun keo tự động từ máy tạo ra một tấm lò xo túi theo kích thước định sẵn.

Hệ thống lò xo liên kết: Đầu tiên cũng từ những cuộn thép đường kính 2,4mm được vận hành từ máy tạo lò xo liên kết cho ra những con lò xo theo kích thước định sẵn và được chuyển sang máy ráp tấm lò xo liên kết cũng với công nghệ tự động từ các dây đan thép đường kính 1,4mm định sẵn trong máy, máy đan các con lò xo lại với nhau tạo ra một tấm lò xo liên kết theo kích thước đúng tiêu chuẩn định sẵn. Từ các tấm lò xo đã hoàn chỉnh, tất cả được kết hợp tạo ra một khung nệm hoàn chỉnh.

Từ máy chần hoa văn mặt áo nệm (Quilting) kết hợp với bộ phận cắt may (Covering section) tạo ra các áo nệm theo kích thước đã định sẵn theo đơn hàng sản xuất.

Với sự kết hợp từ các tấm lò xo hoàn chỉnh và các áo nệm theo đúng kích thước yêu cầu đơn hàng được chuyển sang sang bộ phận thành phẩm nệm. Từ đây được các nhân viên từ bàn ráp nệm kết hợp các khung lò xo và các áo nệm theo cùng kích thước với nhau và được chuyển sang Máy may viền (Tape edge machine), từ đây sẽ hoàn chỉnh các viền nệm tạo ra một tấm nệm hoàn chỉnh đúng kích thước chuẩn theo yêu cầu đơn hàng và cuối cùng tấm nệm đã hoàn chỉnh được chuyển sang bộ phận đóng gói và từ đây tấm nệm được kiểm tra vệ sinh đóng gói hoàn chỉnh. Tấm nệm được chuyển đến bộ phận này cũng là kết thúc quy trình sản xuất nệm lò xo.



6.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Công ty Cổ phần Mirae, tiền thân là Công ty TNHH Mirae Fiber VN, là một trong những Công ty nước ngoài sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành may mặc. Ra đời từ năm 2001, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện mục tiêu đa dạng hoá sản phẩm. Được sự hậu thuẫn từ Mirae Fiber Tech Co., Ltd và các đối tác Hàn Quốc, các sản phẩm luôn được thay đổi phù hợp với yêu cầu về mẫu mã và chất lượng. Mirae Fiber Tech Co., Ltd kết hợp với hệ thống Công ty Mirae tại Việt Nam luôn đi đầu trong việc thử nghiệm mở rộng sản xuất thêm các mặt hàng, đa dạng hoá sản phẩm cung ứng cho thị trường trong nước và trên thế giới.

Sau một thời gian nghiên cứu nhu cầu thị trường, khả năng tiêu thụ, tính toán các điều kiện sản xuất cần thiết, tính khả thi của dự án, Công ty đã đầu tư vào việc sản xuất nệm lò xo kết hợp với sản phẩm chần ra gối để tạo bộ sản phẩm VivaBon cao cấp. VivaBon đang dần dần tạo uy tín và chiếm lĩnh thị trường nội địa.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

6.7.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang được áp dụng

Hiện nay, hệ thống của Mirae Fiber Tech Co., Ltd đều sử dụng các sản phẩm đã được đăng ký nhãn hiệu. Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên các dây chuyền công nghệ hiện đại, được vận hành tương tự theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000. Đặc biệt các nhãn hiệu sản phẩm “Unifil” và “VivaBon” được đăng ký nhãn hiệu độc quyền trên toàn thế giới. Hệ thống quản lý này đã thực sự trở thành công cụ quản lý, giúp cho sản phẩm dịch vụ đảm bảo chất lượng ngày càng cao, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả cho sản phẩm.

6.7.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Tại các phân xưởng việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được tiến hành rất kỹ lưỡng qua hệ thống KCS và các quản đốc phân xưởng, cụ thể như sau:

Tại phân xưởng sản xuất các loại tấm bông (Padding): Nhân viên KCS kiểm tra từng giai đoạn sản xuất sản phẩm: Kiểm tra các loại bông được cân, đo chính xác cho từng loại sản phẩm, kiểm tra chất lượng bông qua máy đánh bông, kiểm tra nhiệt độ trong lò sấy, kiểm tra chất lượng phun keo khi sản phẩm qua máy phun keo, kiểm tra về độ dày, kiểm tra độ bóng, độ kết dính sợi của sản phẩm qua máy ủi. Thành phẩm được kiểm tra về trọng lượng, độ phồng xốp cần thiết, nếu một trong các công đoạn không đạt tiêu chuẩn, sản phẩm phải được tái chế lại. Mỗi một dây chuyền Padding luôn có một KCS và một tổ trưởng giám sát khi dây chuyền hoạt động.

Tại phân xưởng sản xuất các loại tấm bông chăn (Quilting): Nhân viên KCS và ca trưởng liên tục theo dõi hoạt động của các máy móc. Sản phẩm tạo ra được các bộ phận kỹ thuật kiểm tra kỹ lưỡng rồi mang mẫu cho khách hàng thẩm định. Sản phẩm phải đạt các tiêu chuẩn sau: Hình chăn đạt tiêu chuẩn theo thiết kế mẫu, mũi chỉ chăn phải đều, không bị xô dịch và được vệ sinh cẩn thận.

Nhìn chung, việc kiểm tra của các nhân viên KCS là cần thiết trong từng quy trình sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền của Công ty mang tính tự động hoá cao. Mặt khác, trước mỗi đơn đặt hàng Công ty đều tiến hành sản xuất các mẫu thử và phải được khách hàng chấp nhận đúng theo thiết kế sau đó mới đưa vào sản xuất hàng loạt nên sự sai lệch trong sản xuất hầu như không có. Hệ thống KCS sẽ kiểm tra sản phẩm sao cho đảm bảo độ kết dính cao, độ phẳng của vải bông (Interlining) và tấm bông.

6.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing, mở rộng thị trường tiêu thụ tại Công ty Cổ phần Mirae luôn được quan tâm chú trọng. Hàng năm, Công ty được cổ đông sáng lập là Mirae Fiber Tech Co., Ltd tiếp thị các hợp đồng sản xuất cho các khách hàng có quan hệ lâu năm. Bởi vậy, số lượng khách hàng của Công ty luôn ổn định tạo điều kiện cho Công ty

hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty cũng luôn tiến hành các hoạt động tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ phát triển thêm các đối tác mới tạo nguồn cung cấp hàng hoá đa dạng hơn.

Bộ phận marketing của Công ty đang từng bước được thiết lập sau khi dự án xây dựng nhà máy sản xuất bộ sản phẩm chăn, ra, gối, nệm đưa vào hoạt động. Công ty đang dần dần thiết lập hệ thống đại lý tiêu thụ độc quyền sản phẩm mình và thương hiệu VivaBon đang trong quá trình được xây dựng và phát triển để trở thành một trong những thương hiệu mạnh và uy tín nhất trên thị trường tiêu dùng Việt Nam.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho Marketing và chăm sóc khách hàng. Nhân viên Marketing của Công ty thường xuyên tiếp xúc với khách hàng để triển khai mẫu mã sản phẩm, giải đáp các thắc mắc của khách hàng đồng thời tiếp thu ý kiến đánh giá của khách hàng để có thể nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty.

Ngoài các hoạt động trên, Công ty còn tổ chức các đợt xúc tiến thương mại tại Mỹ, Canada, Trung Quốc để mở rộng thị trường. Đặc biệt đối với sản phẩm nệm Padding, Công ty có tỉ lệ chiết khấu cao cho các đại lý chuyên phân phối sản phẩm này của Công ty. Hơn nữa, Công ty còn áp dụng chính sách hậu mãi rất hấp dẫn cho khách hàng: thời hạn bảo hành 5 năm, đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tình, chu đáo.

Hiện nay, hệ thống phân phối của Công ty đã trải khắp toàn quốc, đặc biệt là thị trường miền Trung và miền Nam. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp sản phẩm này ở thị trường phía Bắc cụ thể là Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hưng Yên). Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế bản quyền.

Nhãn hiệu thương mại



Ý nghĩa của biểu tượng

Mirae theo dịch theo tiếng Hàn Quốc có nghĩa là “Hướng tới tương lai”.

Biểu tượng là hình quả núi màu xanh thể hiện ý trí cho sự vươn lên, sức sống và hy vọng với một nền tảng vững bền.

Slogan: “We creat value for tomorrow” - “Chúng tôi tạo ra giá trị cho ngày mai”



Hiện nay, Công ty sử dụng logo của Công ty Mirae Fiber Tech Co., Ltd, logo này đã được Mirae Fiber Tech Co., Ltd đăng ký sở hữu trí tuệ và được sử dụng cho 3 công ty:

- + Mirae Fiber Tech Co., Ltd (Hàn Quốc);
- + Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hưng Yên);
- + Công ty Cổ phần Mirae (Bình Dương).

Các nhãn hiệu sản phẩm đã được Công ty đăng ký bản quyền

Nhãn hiệu sản phẩm của Công ty đã được đăng ký nhãn hiệu bản quyền là: “Unifil” và “VivaBon”. Các nhãn hiệu này đã được công nhận trên thế giới đối với các sản phẩm do Công ty sản xuất.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Bảng 6.9.1: Danh sách một số hợp đồng đang được thực hiện

ST T	ĐỐI TÁC	SẢN PHẨM CUNG CẤP	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (USD)	THỜI HẠN
1	Kevin	Gòn và chân gòn	140.000	1 năm
2	Mirae Fiber Tech	Gòn và chân gòn	1.000.000	1 năm
3	Mirae Fiber Hung Yen	Gòn và chân gòn	350.000	1 năm
4	Siêu Việt	Gòn và chân gòn	166.478	1 năm
5	Đông Dương	Gòn và chân gòn	372.204	1 năm
6	Textyle	Gòn và chân gòn	110.000	1 năm
7	Hansoll Textyle	Gòn và chân gòn	95.000	1 năm
8	Gate One fashion	Gòn và chân gòn	80.000	1 năm
9	Vicoluch	Gòn và chân gòn	150.000	1 năm
10	Gilimex	Gòn và chân gòn	150.000	1 năm
11	AB	Gòn và chân gòn	150.000	1 năm
12	Ospig	Gòn và chân gòn	50.000	1 năm
13	Hàn Việt	Chăn, ra, gối, nệm	68.000	1 năm
14	Trần Hoàng Mỹ	Chăn, ra, gối, nệm	38.000	1 năm
15	VivaBon - Daklak	Chăn, ra, gối, nệm	36.000	1 năm

ST T	ĐỐI TÁC	SẢN PHẨM CUNG CẤP	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (USD)	THỜI HẠN
16	VivaBon – Phan Đình Phùng	Chăn, ra, gối, nệm	35.000	1 năm
17	Đại Nam	Chăn, ra, gối, nệm	35.000	1 năm
18	Quan Ngọc Tùng	Chăn, ra, gối, nệm	36.000	1 năm
	Tổng cộng		3.061.681.50	

Nguồn: KMR

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007, 2008 và Q3/2009.

Bảng 7.1.1: Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008 và Q3/2009

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2007	2008	Q3/2009
1	Tổng giá trị tài sản	242.443	268.992	305.422
2	Doanh thu thuần	131.126	169.709	108.378
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh	22.595	16.406	14.110
4	Lợi nhuận khác	192	(185)	(112)
5	Lợi nhuận trước thuế	20.555	14.817	13.998
6	Lợi nhuận sau thuế	20.555	14.817	13.104

Nguồn: KMR

Công ty có tình hình tăng trưởng ổn định qua các năm. Cụ thể, doanh thu thuần ổn định và tăng đều qua các năm. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty trong năm 2008 bị sụt giảm đáng kể do ảnh hưởng từ cuộc suy thoái kinh tế thế giới (vì tỉ trọng hàng hóa xuất khẩu của Công ty cao, trung bình chiếm 47%) và tình hình lạm phát tại Việt Nam. Giá nguyên liệu tăng cao dẫn đến giá thành sản phẩm gia tăng do đó lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh.

Sang năm 2009, khi tình hình kinh tế hồi phục, tình hình kinh doanh của Công ty đã dần đi và ổn định và doanh thu thuần của Công ty cũng được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, do chi phí gia tăng chủ yếu là chi phí đầu tư mở rộng đại lý và hoạt động tiếp thị

sản phẩm chăn, ra, gối, nệm, chi phí kiểm toán theo chuẩn quốc tế IFRS và trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho nên lợi nhuận thu được chưa được cao lắm.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009

❖ Thuận lợi:

- Hiện nay, Công ty chủ yếu hoạt động theo mô hình xuất khẩu tại chỗ, các khách hàng của Công ty là các Công ty Việt Nam hoặc của nước ngoài đầu tư làm hàng xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Malaysia, Srilanca, Myanmar, Hàn Quốc... Các Công ty này đều có danh tiếng trong ngành may mặc và là bạn hàng lâu năm của Công ty Mirae Fiber Tech., Ltd. Vì vậy, trong thời gian tới Công ty luôn có nguồn cầu hàng hóa lớn và ổn định, đảm bảo cho kế hoạch phát triển lâu dài, bền vững.
- Bên cạnh đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm từ thực tiễn, Công ty còn có đội ngũ cán bộ chủ chốt, trẻ, năng động, sớm thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường nên việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trở nên thuận lợi hơn vì có sự hỗ trợ lẫn nhau về mọi mặt.
- Hệ thống máy móc thiết bị được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại. Đây chính là lợi thế cạnh tranh lớn của Công ty so với các Công ty khác cùng ngành. Vì đặc thù của ngành sản xuất tấm bông hóa học chủ yếu dựa vào máy móc thiết bị, hàm lượng công nghệ trong giá thành sản xuất sản phẩm tương đối cao.
- Chính phủ định hướng Ngành dệt may sẽ tăng trưởng 18% trong năm tới, và 14% trong những năm tiếp theo. Riêng về tăng trưởng xuất khẩu thì trong năm tới mục tiêu đặt ra là 20%. Điều này là cơ sở để Công ty đầu tư mạnh mẽ để phát triển hơn nữa trong những năm tới.
- Do đặc trưng ngành nghề sản xuất là nguyên phụ liệu cho ngành may mặc, nên Công ty đặt trụ sở sản xuất tại Bình Dương là trung tâm khu công nghiệp Sóng Thần, giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế chính của khu vực phía Nam, do đó nên rất thuận tiện cho việc vận chuyển và tiêu thụ hàng hoá. Do vậy, Công ty luôn đảm bảo đúng tiến độ về thời gian giao hàng. Bên cạnh đó, Công ty được sự hỗ trợ của tỉnh Bình Dương về cơ sở hạ tầng và pháp lý để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đa dạng hoá sản phẩm.
- Hiện nay, Công ty đang triển khai mở rộng hoạt động sản xuất đồng bộ chăn, ra, gối, nệm. Những sản phẩm mới bước đầu đang dần dần tạo được tiếng tăm và uy tín nhờ chất lượng cao, mẫu mã đẹp.

❖ Khó khăn:

- Xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế, hội nhập với khu vực và quốc tế làm tăng sức ép cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các công ty hoạt động trong cùng ngành cung ứng nguyên liệu may mặc đang được đầu tư mạnh mẽ do thấy được tiềm năng phát triển. Đặc điểm này đòi hỏi Công ty phải không ngừng đầu tư mở

rộng sản xuất, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường các chính sách khuyến mãi, đội ngũ nhân viên luôn nhiệt tình, linh động, đáp ứng mọi yêu cầu khách hàng nhằm giữ vững và nâng cao vị thế của Công ty trên thương trường.

➤ Công ty đang tìm nguồn nguyên vật liệu trong nước để thay thế nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu, giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các rủi ro về sự gia tăng giá nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, do yêu cầu về bông nguyên liệu của Công ty có yêu cầu phải đạt chất lượng cao, đa dạng, phong phú về chủng loại nên nguồn nguyên vật liệu trong nước chỉ đáp ứng được phần nhỏ nhu cầu tiêu thụ hàng năm của Công ty.

➤ Nguồn nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài. Trước khi Việt Nam gia nhập WTO (Tổ chức thương mại thế giới), Công ty được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng này là 0%. Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO từ năm đầu năm 2007, Công ty phải chịu mức thuế suất thuế nhập khẩu là 3%.

➤ Do đặc thù sản xuất theo thời vụ nên máy móc thiết bị đầu tư chưa hoạt động hết công suất. Công suất bình quân cả năm là 70% công suất thiết kế, đây cũng là đặc trưng của ngành sản xuất tấm bông hóa học.

8. Vị thế của Công ty so với các Công ty khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Mirae tự hào là một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam về sản xuất tấm bông cao cấp các loại. Đạt được vị thế như vậy là do Ban lãnh đạo Công ty là những người am hiểu thị trường, có kinh nghiệm lâu năm trong ngành, có đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng quản lý hiệu quả, luôn đề ra các phương hướng kinh doanh tối ưu, tạo dựng uy tín vững chắc trên thị trường.

Hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đồng bộ, hiện đại, tiên tiến hàng đầu tạo nên vị thế cạnh tranh lớn cho các sản phẩm của Công ty. Sản phẩm làm ra luôn được các bạn hàng đánh giá cao về chất lượng và mẫu mã. Với tám năm hoạt động Công ty đã dần khẳng định được vị thế của mình so với các đơn vị khác cùng ngành. Công ty luôn đạt được sự tăng trưởng ổn định hơn qua các năm. Doanh thu bình quân ba năm qua đạt từ 6,5 triệu USD – 8 triệu USD và Công ty có kế hoạch sẽ tăng dần doanh thu tiêu thụ sản phẩm trong các năm tới.

Các sản phẩm về tấm bông, tấm chăn bông mang nhãn hiệu “Unifil” và “VivaBon” của Công ty được sản xuất bằng công nghệ hiện đại với quy trình tự động hoá cao được bạn hàng ưa thích. Hiện nay, tại Việt Nam chưa có nhiều công ty có thể theo kịp Công ty Cổ phần Mirae về chất lượng các sản phẩm. Điều này giúp cho Công ty giữ được vị trí hàng đầu của mình trong ngành. Nếu Công ty nhanh chóng hoàn thành dự án mở rộng sản xuất đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất thêm sản phẩm ghế nệm xếp và vải địa kỹ thuật thì vị thế của Công ty sẽ ngày càng lớn mạnh hơn.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 10/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg “Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành CN Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” gồm 3 phần chính là quan điểm phát triển; định hướng phát triển và các giải pháp thực hiện chiến lược.

Phát triển ngành Dệt May theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hoá nhằm tạo ra bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm. Khắc phục những điểm yếu của ngành Dệt May là thương hiệu còn yếu, mẫu mã thời trang chưa được quan tâm, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển, cung cấp nguyên phụ liệu vừa thiếu, vừa không kịp thời. Xuất khẩu sẽ là mục tiêu chính cho phát triển của ngành, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phát triển tối đa thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, giảm nhập siêu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

Về mục tiêu tổng quát, phát triển ngành Dệt May trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu; Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tiêu dùng trong nước, tạo nhiều việc làm cho xã hội; Nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc kinh tế thế giới. Mục tiêu cụ thể như sau:

Bảng 8.2.1: Mục tiêu phát triển của ngành

Tốc độ tăng trưởng	Giai đoạn 2008-2010	Giai đoạn 2011-2020
Tăng trưởng sản xuất hàng năm	16- 18%	12- 14%
Tăng trưởng xuất khẩu hàng năm	20%	15%

Các chỉ tiêu chủ yếu trong chiến lược phát triển ngành Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 như sau:

Bảng 8.2.2: Chiến lược phát triển ngành Dệt May Việt Nam

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2006	Mục tiêu toàn ngành đến		
			2010	2015	2020
Doanh thu	Triệu USD	7.800	14.800	22.500	31.000
Xuất khẩu	Triệu USD	5.834	12.000	18.000	25.000
Sử dụng lao động	Nghìn người	2.150	2.500	2.750	3.000
Tỷ lệ nội địa hoá	%	32	50	60	70

Sản phẩm chính, bao gồm:					
- Bông xơ	1.000 tấn	8	20	40	60
- Xơ, sợi tổng hợp	1.000 tấn	-	120	210	300
- Sợi các loại	1.000 tấn	265	350	500	650
- Vải	Triệu m2	575	1.000	1.500	2.000
- Sản phẩm ma	Triệu SP	1.212	1.800	2.850	4.000

(Nguồn: Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp Dệt May VN đến năm 2015, định hướng đến năm 2020)

8.3. Định hướng phát triển của Công ty

Trong trung và dài hạn, Công ty sẽ trở thành một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tấm bông cao cấp các loại, sản xuất các sản phẩm chăn, ra, gối, nệm.

Công ty đang triển khai việc sáp nhập với Công ty Cổ phần Mirae Fiber ở miền Bắc nhằm mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty ra toàn Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã và đang lên kế hoạch mở rộng thị phần bằng cách mở các đại lý độc quyền tại Việt Nam. Tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty trên các phương tiện đại chúng, tạo kênh phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện đưa sản phẩm của mình đến tận tay người tiêu dùng.

Ngoài ra, tại thị trường nước ngoài, sản phẩm của Công ty phần lớn được xuất khẩu sang các nước Châu Âu và Hàn Quốc. Hiện nay, Công ty đang hướng tới việc mở rộng thị trường sang các nước như Campuchia và Indonesia.

Bảng 8.3.1: Kế hoạch doanh thu dự kiến năm 2009, 2010 và 2011

DVT: triệu đồng

STT	Sản phẩm	2009	2010	2011
1	Bông tấm, bông chăn	139.908	80.100	81.880
2	Chăn, ra, gối, nệm	30.385	33.820	48.060
3	Nệm lò xo	2.901	26.700	35.600
4	Nệm thường	-	19.580	23.140
5	Bông sợi	10.680	30.260	33.820
6	Khác	-	23.140	26.700
	Tổng cộng	183.874	213.600	249.200

Nguồn: KMR

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Tại thời điểm 30/9/2009, tổng số lao động trong Công ty là 330 người. Cơ cấu lao động phân loại như sau:

Bảng 9.1.1: Cơ cấu lao động đến thời điểm 30/9/2009

Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ học vấn		
Đại học	20	6,06
Cao đẳng và trung cấp	29	8,78
Công nhân kỹ thuật, trình độ sơ cấp	281	85,15
Phân loại theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp	281	85,15
Lao động gián tiếp	49	14,85

Nguồn: KMR

9.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chuyên cần, trách nhiệm, điện thoại, tiền com, công tác phí nếu có.

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

Công ty giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ khác đối với người lao động như chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ ốm đau thai sản, chế độ nghỉ hưu và chăm lo việc hiếu hỉ cho cán bộ công nhân viên... Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần với thời gian trung bình là 48 giờ/tuần. Mỗi ngày làm việc chia thành 2 ca, giờ làm việc gồm 8 tiếng làm chính và có thể 4 tiếng tăng ca tùy theo sức khỏe công nhân.

Hợp đồng lao động thông thường được ký theo lộ trình: 1-2 tháng thử việc, kỳ hạn 6 tháng, kỳ hạn 1 năm, dài hạn.

Công ty đặt trụ sở sản xuất tại Bình Dương, do vậy đối với công nhân viên ở xa nơi làm việc, Công ty có xe đưa đón tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công nhân viên Công ty.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, trong định hướng phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới các giải pháp về nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, lao động với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao;
- Xây dựng chế độ bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ chuyên gia trình độ cao. Công ty dự kiến lập quỹ tài chính, các loại giải thưởng, cải cách về chế độ tiền lương, chế độ cung cấp và tiếp cận thông tin, tạo mọi điều kiện vật chất, môi trường làm việc, các hoạt động chuyên môn và đời sống sinh hoạt cho đội ngũ tri thức, chuyên gia, nhân tài để họ yên tâm cống hiến tài năng trí tuệ phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Hàng năm tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí thích đáng để cử cán bộ công nhân viên có thành tích, triển vọng phát triển tốt và nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty trong những lĩnh vực cần thiết đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại Hàn Quốc;
- Kien toàn bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo hướng tinh giảm tối đa, sắp xếp biên chế theo chức năng nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Tất cả các công nhân viên được tuyển dụng phải thông qua hình thức thi tuyển có quy chế rõ ràng, không tuyển dụng thông qua giới thiệu;
- Đảm bảo đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Đối với cán bộ quản lý, Công ty xây dựng quy chế lương và được HĐQT phê duyệt. Lương của cán bộ quản lý gồm lương khoán theo chức danh, công việc và các

khoản phụ cấp. Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Hàng năm, Công ty họp xét khen thưởng căn cứ vào danh sách đề nghị khen thưởng của các phòng ban Công ty.

Công ty có chính sách phúc lợi hợp lý đối với người lao động. Ngoài việc chi trợ cấp khó khăn, chi phong trào văn hoá thể thao còn bồi dưỡng công nhân viên nhân dịp lễ, Tết.

10. Chính sách cổ tức

Theo chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tới, Công ty luôn đặt mục tiêu trả cổ tức năm sau cao hơn năm trước. Kế hoạch trả cổ tức hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua dựa trên kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Hàng năm, Công ty sẽ trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế trả cổ tức theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

Bảng 10.1: Tỷ lệ cổ tức trong năm 2009 và dự kiến 2010

Cổ tức	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010 (dự kiến)
Tỷ lệ	0%	5%	7%

Nguồn: KMR

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định

Việc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo các văn bản pháp lý sau:

- + Chuẩn mực kế toán số 03 – Tài sản cố định hữu hình;
- + Chuẩn mực kế toán số 04 – Tài sản cố định vô hình;
- + Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính;
- + Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Công ty hiện đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ và thực hiện trích khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 11.1.1: Thời gian khấu hao đối với các tài sản hữu hình

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	15-25

Máy móc thiết bị	6-15
Phương tiện vận tải	6
Dụng cụ, thiết bị văn phòng	3-5
Quyền sử dụng đất	40

Nguồn: KMR

Thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân của công nhân viên Công ty được đánh giá là tương đương so với các công ty cùng ngành. Khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty có kế hoạch tăng dần thu nhập qua các năm, đảm bảo tốc độ tăng lương cao hơn tốc độ trượt giá sinh hoạt và nâng cao đời sống của công nhân viên.

Bảng 11.1.2: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	Q3/2009
Mức lương bình quân/tháng	876.000	890.000	1.734.000
Thu nhập bình quân/tháng	1.720.000	1.730.000	2.442.000

Nguồn: KMR

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

❖ Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 0% và 10%.

❖ Thuế Xuất nhập khẩu

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế xuất nhập khẩu theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Theo chứng nhận đầu tư số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2007, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp

với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm đầu tiên kể từ khi dự án đi vào hoạt động và bằng 25% thu nhập chịu thuế cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và được miễn 50% trong các năm tiếp theo.

Tại ngày 13/1/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT-BTC về việc hướng dẫn bổ sung giảm trừ và gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả. Theo Thông tư, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quý IV/2008 và cả năm 2009.

❖ **Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Số dư các khoản phải nộp Nhà nước

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	Q3/2009
Thuế GTGT hàng bán nội địa	214,562,205	(1,059,243,499)	472,548,497
Thuế xuất nhập khẩu	(288,285,977)	(1,138,757,546)	(1,199,420,837)
Thuế thu nhập DN	906,435,737	913,921,138	893,739,585
Thuế thu nhập cá nhân	28,708,292	3,204,937	15,237,700
Tổng cộng	861,420,257	(1,280,874,970)	182,104,945

Nguồn: KMR

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo kế hoạch tài chính của Công ty, trong năm 2009 Công ty sẽ trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ như sau :

- Quỹ đầu tư phát triển: 4%
- Quỹ dự phòng tài chính: 5%
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1%

Tổng dư nợ vay

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	Q3/2009
Vay ngắn hạn	48.216	45.055	54.194
Vay dài hạn	5.389	1.780	14.099
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>	-	-	-
Tổng cộng	53.605	46.835	68.293

Nguồn: KMR

Tình hình công nợ - các khoản phải thu

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2007	2008	Q3/2009
Phải thu ngắn hạn	44.912	77.262	73.247
Phải thu khách hàng	31.258	57.425	60.538
Trả trước cho người bán	12.780	6.492	10.290
Các khoản phải thu khác	874	13.345	4.715
Dự phòng ngắn hạn khó đòi	-	-	(2.296)
Phải thu dài hạn	-	-	-

Nguồn: KMR

Tình hình công nợ - các khoản phải trả

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2007	2008	Q3/2009
NỢ PHẢI TRẢ	75.991	82.778	106.844
Vay và nợ ngắn hạn	48.216	45.055	54.194
Phải trả người bán	6.561	28.169	19.285
Người mua trả tiền trước	12.806	4.997	15.425
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.150	917	1.382
Phải trả người lao động	527	783	983
Chi phí phải trả	552	42	345
Các khoản phải trả, phải nộp khác	412	500	640
Vay và nợ dài hạn	5.389	1.780	14.099
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	379	534	491

Nguồn: KMR

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số	2007	2008	Q3/2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,60	1,22	1,18
- Hệ số thanh toán nhanh	0,69	0,02	0,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,31	0,31	0,35
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,44	0,54
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay khoản phải thu	4	4	2
- Kỳ thu tiền bình quân	87	95	98
- Vòng quay khoản phải trả	20	10	5
- Kỳ trả tiền bình quân	18	37	39
- Vòng quay hàng tồn kho	5	7	4
- Số ngày tồn kho bình quân	72	51	50
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Dthu thuần (%)	15,68%	8,73%	12,09%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	12,35%	7,96%	6,60%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	8,48%	5,51%	4,29%
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Dthu thuần (%)	17,23%	9,67%	13,02%

Nguồn: KMR

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

Ông Shin Young Sik

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Choi Young Ho

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Lim Yeoung Jun

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Shin Dong Jin

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Park Hee Sung

Thành viên Hội đồng quản trị

❖ **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **SHIN YOUNG SIK**
- Hộ chiếu số: KN0878184; Ngày cấp: 17/8/2006; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1958
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc

9. Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791 038
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Quản lý
13. Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1978 – Năm 1987	Trường Sĩ quan lục quân Seoul
Năm 1978 – Năm 1984	Trường Quản lý kinh tế Seoul
Năm 1980 – Năm 1987	Trung úy quân đội Seoul
Năm 1987 – Năm 1997	Phó giám đốc Công ty MOOLSAM, Seoul, Hàn Quốc
Năm 1998 – Năm 2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc công ty TNHH Mirae Fiber Tech, Seoul, Hàn Quốc
Năm 2001 – tháng 9/2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mirae Fiber VN
Tháng 7/2007 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

14. Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hưng Yên)
16. Số cổ phần nắm giữ: 5.445.194 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 3.108.781 cổ phần
Đại diện sở hữu : 2.336.413 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan:

Vợ : **LIM JEONG YUL**

Sinh ngày: 03/03/1962

Số hộ chiếu: SC0564461 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp

Quốc tịch: Hàn Quốc

Số cổ phần nắm giữ: 605.022 cổ phần

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: **CHOI YOUNG HO**
2. Hộ chiếu số: SC2066027; ngày cấp: 24/4/2007; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 30/7/1968
5. Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
6. Quốc tịch: Hàn Quốc
7. Dân tộc: Hàn Quốc
8. Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
9. Địa chỉ thường trú: SiVCSCgaji APT 905-806, 313 Sinjeong 1 – dong, Yang Cheon – gu, Seoul, Hàn Quốc
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650.791 038
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Quản lý
13. Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1994 – Năm 2006 Trưởng phòng, phòng nghiên cứu công nghệ thực phẩm Seoul

Năm 2007 – nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị - Kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hưng Yên)
16. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: **LIM JEONG YUL**
2. Hộ chiếu số: TR0039790; Ngày cấp: 19/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày tháng năm sinh: 03/03/1962
5. Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc

6. Quốc tịch: Hàn Quốc
7. Dân tộc: Hàn Quốc
8. Quê quán: Secho Gu, Seoul, Hàn Quốc
9. Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791 038
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Kế toán
13. Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1981 – Năm 1985	Đại học ngoại ngữ Anh văn, Seoul, Hàn Quốc
Năm 1985 – Năm 1986	Giáo viên trường trung học phổ thông Puchon, Hàn Quốc
Năm 1987 – Năm 2003	Làm việc tự do
Năm 2003 – Năm 2007	Giáo viên tại Canada
Tháng 10/2007 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hưng Yên)
16. Số cổ phần nắm giữ: 605.022 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 605.022 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan:
Chồng: **SHIN YOUNG SIK** (Như đã nêu trên)

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: **SHIN DONG JIN**
2. Hộ chiếu số: 7172350; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 08/11/1966
5. Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc

6. Quốc tịch: Hàn Quốc
7. Dân tộc: Hàn Quốc
8. Quê quán: Daegu, Hàn Quốc
9. Địa chỉ thường trú: 169-12, Dae Bong Dong, Daegu, Hàn Quốc
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650 737 457
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Quản lý
13. Quá trình công tác :

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1994 – Năm 2003

Phòng kinh doanh, Công ty Viko Glowin.

Năm 2004 – Năm 2007

Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Mirae

Năm 2007 – Nay

Fiber VN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Công ty CP Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae Fiber
16. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: **PARK HEE SUNG**
2. Hộ chiếu số: KR0122474; Ngày cấp: 24/06/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 05/02/1973
5. Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
6. Quốc tịch: Hàn Quốc

7. Dân tộc: Hàn Quốc
8. Quê quán: Hàn Quốc
9. Địa chỉ thường trú: (Kumho Apt. 102-802) 149-1, Bakdal 2-dong, Manangu, Anyang-Si, Gyeonggi-Do, Hàn Quốc
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791 038
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Quản lý
13. Quá trình công tác :

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1998 – Năm 2003	Trưởng phòng kinh doanh, Công ty Glowin, Hàn Quốc
Năm 2003 - Năm 2007	Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Mirae
Năm 2007- Năm 2008	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Mirae
Năm 2008 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Mirae Fiber
16. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

Ban giám đốc

Ông Shin Dong Jin

Tổng Giám đốc

Ông Kim Chul Soo

Phó Tổng Giám đốc

❖ **Tổng Giám Đốc**

1. Họ và tên : **SHIN DONG JIN**
(Tham khảo tại điểm 12.1- Hội đồng quản trị)

❖ **Phó Tổng Giám Đốc**

1. Họ và tên: **KIM CHUL SOO**

2. Hộ chiếu số: M16914231; ngày cấp: 05/03/2009; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 09/11/1966
5. Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
6. Quốc tịch: Hàn Quốc
7. Dân tộc: Hàn Quốc
8. Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
9. Địa chỉ thường trú: 101-1202, Dea-A Apt, Poong Nap Dong, Song Pa Gu, Seoul, Hàn Quốc
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0656 791 038
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
13. Quá trình công tác :

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

- | | |
|------------------------------|--|
| Năm 1985 – Năm 1986 | Nhân viên Phòng xuất hàng, Công ty World Wide Express & Tour |
| Năm 1986 – Năm 1989 | Phục vụ Quân đội |
| Năm 1989 – Năm 1993 | Phó giám đốc công ty TNHH Poong Lim |
| Năm 1993 – Năm 1995 | Phó giám đốc, phòng tài chính, công ty xây dựng và điều hành máy móc |
| Năm 1995 – Năm 1997 | Giám đốc công ty TNHH Korea Symons |
| Tháng 11/1997 – Tháng 3/1998 | Phó giám đốc, phòng kế toán, công ty Korea Moolsan |
| Tháng 3/1998 – Tháng 3/2005 | Giám đốc điều hành công ty Viko Glowin |
| Tháng 3/2005 – Tháng 7/2006 | Trưởng phòng quản lý xuất nhập khẩu, công ty Dong Yang Menics |
| Tháng 8/2005 – Tháng 5/2007 | Giám đốc phòng quản lý công ty Yeilbiotech |
| Tháng 6/2007 – Nay | Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Miare |
14. Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Mirae
 15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hung Yên)

16. Số cổ phần nắm giữ: 4.630 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 4.630 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Xuân Thảo

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Liên

Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO**
2. CMND số: 024542522; ngày cấp: 10/05/2006; nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày tháng năm sinh: 01/5/1974
5. Nơi sinh: Quảng Ngãi
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
9. Địa chỉ thường trú: 229/2A Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650 791 038
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
13. Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Tháng 10/1999 – Tháng 5/2000

Nhân viên kế toán, Công ty Đông Nam

Tháng 6/2000 – Tháng 1/2003

Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Thiên Lộc

Tháng 5/2003 – Tháng 6/2007

Kế toán, Công ty Cổ phần Mirae, Bình Dương

Tháng 7/2007 – Nay

Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần

Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae Fiber
16. Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC LIÊN**
2. Số CMND: 145049620 cấp ngày 14/11/2006 tại Hưng Yên
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 03/08/1981
5. Nơi sinh: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
9. Địa chỉ thường trú: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321.974.170
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
13. Quá trình công tác

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1999 – Tháng 6/2004	Nhân viên kế toán, Công ty cổ phần xây lắp Công nghiệp thực phẩm, Hà Nội
Tháng 7/2004 – Tháng 6/2007	Nhân viên kế toán, Công ty Cổ phần Hà Phát, Hưng Yên
Tháng 7/2007 – Nay	Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Mirae

15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Mirae Fiber (Hưng Yên)
16. Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **NGUYỄN THU HẰNG**
2. Số CMND: 271362913 cấp ngày 31/07/1998 tại Đồng Nai.
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày tháng năm sinh: 21/11/1978
5. Nơi sinh: Ninh Bình
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Ninh Bình
9. Địa chỉ thường trú: 6D – Tổ 6, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791.038
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
13. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ, đơn vị công tác
Năm 2000 - 2002	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Viko Glowin
Năm 2002 - 2004	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Viko Glowin
Năm 2004 – 2007	Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Mirae
Năm 2007 – Tháng 4/2009	Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Mirae
Tháng/2009 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
16. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

12.4. Kế toán trưởng

1. Họ và tên: **LÊ THUY TRÂM ANH**
2. Số CMND: 271117492 cấp ngày 25/05/2004 tại Đồng Nai
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày tháng năm sinh: 05/03/1973
5. Nơi sinh: Biên Hòa, Đồng Nai
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Biên Hòa, Đồng Nai
9. Địa chỉ thường trú: 29E1, Khu phố 6, Phường Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650 791 038
11. Trình độ văn hoá: Đại học
12. Trình độ chuyên môn: Kế toán
13. Quá trình công tác

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1994 - 2004	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Viko Glowin
Năm 2004 - nay	Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Mirae

14. Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Mirae
15. Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
16. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
17. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
20. Những người có liên quan: Không

13. Tài sản

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
- Số dư ngày 01/01/2009	24.220.237.648	135.519.909.332	1.341.118.190	647.431.980	842.479.221	162.571.176.371
- Mua trong năm	-	1.797.595.788	1.140.409.911	116.826.841	-	3.054.832.540
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.217.287.490	6.400.373.003	-	-	-	9.617.660.493
- Tăng khác	-	103.432	694.036.165	34.740.000	-	728.879.597
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	437.388.502	-	-	437.388.502
- Giảm khác	46.093.432	-	-	-	-	46.093.432
- Số dư ngày 30/09/2009	27.391.431.706	143.717.981.555	2.738.175.764	798.998.821	842.479.221	175.489.067.067
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2009						

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	2.048.866.781	25.945.497.966	426.068.935	444.535.496	226.945.063	29.091.914.241
- Khấu hao trong năm	874.219.636	6.910.271.661	210.312.377	73.601.246	73.063.440	8.141.468.360
- Tăng khác	-	-	203.860.362	1.672.285	-	205.532.647
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	276.356.100	-	-	276.356.100
- Giảm khác	-	1.672.285	-	-	-	1.672.285
- Số dư ngày 30/09/2009	2.923.086.417	32.854.097.342	563.885.574	519.809.027	300.008.503	37.160.886.863
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2009	22.171.370.867	109.574.411.366	915.049.255	202.896.484	615.534.158	133.479.262.130
- Tại ngày 30/09/2009	24.468.345.289	110.863.884.213	2.174.290.190	279.189.794	542.470.718	138.328.180.204

Nguồn: KMR

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009-2011

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	183.874	213.600	249.200
Vốn chủ sở hữu	132.871	132.871	132.871
Lợi nhuận sau thuế	20.981	26.485	26.380
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (%)	11,41	12,40	10,58
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%)	15,79	19,93	19,85
Cổ tức / Vốn điều lệ (%)	5%	7%	9%

Nguồn: KMR

14.2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

Điểm mạnh

- Hệ thống máy móc thiết bị của nhà máy được đầu tư đồng bộ, hiện đại mà tại Việt Nam hiện nay, rất ít Công ty trong ngành có trình độ tương đương;
- Về lợi thế mặt bằng sản xuất, Mirae hiện đang có bốn (04) phân xưởng sản xuất nguyên phụ liệu và nệm Padding tương đối lớn. Ngoài ra, Mirae đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng 15.862 m² đất với Công ty TNHH Cơ khí Hưng Toàn và đã xây dựng trên nền đất đó một (01) nhà xưởng sản xuất nệm lò xo có diện tích là 1.800 m².
- Ban lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất gòn, tấm chần gòn, chần, ra, gối, nệm, nguyên phụ liệu ngành may mặc cùng với đội ngũ công nhân viên lành nghề sẽ là một lợi thế rất lớn của Công ty;
- Khách hàng truyền thống với các đơn đặt hàng tương đối lớn, cùng với thị trường Hàn Quốc đã ưa chuộng sản phẩm của Công ty và với chính sách marketing hợp lý sẽ giúp doanh thu của Công ty ổn định và tăng trưởng cao trong tương lai;
- Sản phẩm nệm Padding đã khẳng định chỗ đứng thị trường trong nước và quốc tế, đặc biệt là ở thị trường Hàn Quốc. Hiện nay, Công ty đang có một số hợp

đồng lớn cung cấp sản phẩm nệm này trong năm 2009 và 2010: Mirae Fiber Tech, Air Blakder, Everpia Việt Nam...

Điểm yếu

- Công ty vẫn đang tìm nguồn nguyên liệu trong nước để thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu;
- Công ty chưa phát triển mạnh việc đa dạng hoá thị trường tiêu thụ.

Cơ hội

- Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chăn, ra, gối, nệm, nguyên phụ liệu ngành may mặc nên Công ty luôn có nhu cầu về nguồn nhân công rất lớn. Trong khi đó, Đông Nam bộ luôn được biết đến là có lợi thế về nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ. Bên cạnh đó, đây là vùng có nhiều chính sách ưu đãi đầu tư, do vậy, Công ty có rất nhiều cơ hội để phát triển.
- Dệt may vẫn đang là một trong những ngành mũi nhọn của công nghiệp Việt Nam.

Nguy cơ

- Sự phát triển mạnh mẽ của các Công ty dệt may Việt Nam cùng với tính cạnh tranh cao của hàng ngoại nhập là khó khăn lớn nhất cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới;

14.3. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong 03 năm từ năm 2009 đến năm 2011

- Quảng bá rộng rãi thương hiệu và sản phẩm trên website và các phương tiện thông tin đại chúng;
- Đầu tư, mở rộng, có chính sách khuyến mãi hợp lý đối với các đại lý tiêu thụ sản phẩm của Công ty;
- Đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng truyền thống; nghiên cứu, tiếp cận những thị trường mới.
- Tập trung phát triển mở rộng thị trường đối với sản phẩm chăn, ra, gối nệm, dần dần chuyển đổi những sản phẩm này trở thành sản phẩm chủ lực của Công ty.
- Khách hàng đặt hàng nệm Padding hiện nay của Công ty chủ yếu là Đài Loan, Hàn Quốc, Việt Nam...Do vậy, thị trường kỳ vọng của sản phẩm này vẫn là Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông,... dự kiến chiếm 70% tổng doanh thu nệm Padding. Hiện nay, Công ty đang xúc tiến ký kết thêm một số hợp đồng lớn nội địa và xuất khẩu.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ nhà tư vấn cho Công ty Cổ phần Mirae, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) đã thu thập các thông tin cần thiết, tiến hành các nghiên cứu phân

tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Mirae cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty Cổ phần Mirae, mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và thị trường tiêu thụ trong những năm tới. VCSC nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty và có thể ảnh hưởng tới cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu phát hành: 14.017.123 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu 14.017.123 được tính chi tiết như sau:

<i>Tỷ lệ chuyển đổi theo mục 4 bên dưới : 1:1,35</i>			
1	Vốn điều lệ KMF đến thời điểm ngày 16/10/2009	103.830.540.000	VNĐ
2	Số cổ phiếu chuyển đổi theo tỷ lệ 1 : 1,35	14.017.123	Cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu cần phải chuyển đổi		14.017.123	Cổ phiếu

4. Phương thức phát hành và tính giá

Phát hành theo hình thức chuyển đổi cổ phiếu KMR cho các cổ đông hiện hữu của KMF

Tỷ lệ chuyển đổi: 1 : 1,35

Nghĩa là 1 cổ phiếu của KMF sẽ được chuyển đổi thành 1,35 cổ phiếu của KMR phát hành thêm

Xử lý cổ phiếu lẻ

Đối với số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện chuyển đổi thì số cổ phiếu lẻ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phần còn lại không đủ chuyển đổi thành 1 cổ phiếu KMR sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá trị bằng mệnh giá cổ phiếu.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 126 cổ phiếu của KMF sẽ được chuyển đổi thành 170 cổ phiếu của KMR ($126 \times 1,35 = 170$) và dư 0,1 cổ phiếu. 0,1 cổ phiếu của KMR này sẽ được thanh toán bằng tiền mặt với cách tính như sau: số lượng cổ phiếu * mệnh giá cổ phiếu = $0,1 \times 10.000 \text{ đ/cp} = 1.000 \text{ đồng}$

5. Kế hoạch phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	KMR nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T
2	KMR thông báo việc phát hành thêm	T+01
3	KMR thông báo về việc chốt danh sách cổ đông KMF để thực hiện sáp nhập.	T+01 đến T+21
4	KMR tổng hợp danh sách cổ đông KMF thực hiện chuyển đổi sang KMR	T+22

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
5	Tổng hợp và báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+23 đến T+25
6	Hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T+30
7	TTLK và SGDCK chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành.	T+30 đến T+40
8	Cổ đông mới của KMR thực hiện lưu ký chứng khoán	T+41 đến T+50
9	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	T+51

6. Tổ chức tư vấn phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 914 3588

Fax:

(84-8) 914 3772

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ Tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Tính đến ngày 12/10/2009, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cổ phần Mirae (KMR) là 45,53%

Tính đến ngày 16/10/2009, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cổ phần Mirae Fiber (KMF) là 42,93%

Do đó, sau khi sáp nhập tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại KMR vẫn đúng theo quy định hiện hành

8. Cam kết tuân thủ Luật Doanh Nghiệp về Sáp nhập và sửa đổi điều lệ sau sáp nhập theo quy định

Công ty cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2005

Sau Sáp nhập, điều lệ Công ty nhận sáp nhập sẽ được sửa đổi cho phù hợp với quy mô mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành

9. Các loại thuế có liên quan

Đối với Công ty

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo chứng nhận đầu tư số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2007, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh

ng nghiệp với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm đầu tiên kể từ khi dự án đi vào hoạt động và bằng 25% thu nhập chịu thuế cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và được miễn 50% trong các năm tiếp theo.

Tại ngày 13/1/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT-BTC về việc hướng dẫn bổ sung giảm trừ và gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả. Theo Thông tư, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quý IV/2008 và cả năm 2009.

- **Thuế GTGT**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 0% và 10%.

- **Thuế xuất nhập khẩu**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế xuất nhập khẩu theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Đối với nhà đầu tư

Kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và được lựa chọn 02 phương pháp tính thuế thu nhập như sau:

Cách 1:

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x thuế suất.

Trong đó:

Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Với chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm: phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, chi phí ủy thác chứng khoán và các khoản chi phí khác.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2: Đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Tuy nhiên theo điều 4 Nghị quyết số 32/2009/NĐ-QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của quốc hội thì sẽ miễn toàn bộ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn cho năm 2009

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

1. Mục đích phát hành

Đợt phát hành cổ phiếu lần này thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 11 năm 2009 của Công ty cổ phần Miare Fiber và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Công ty cổ phần Mirae thông qua chủ trương và phương án sáp nhập Công ty cổ phần Fiber (KMF) vào Công ty Cổ phần Miare (KMR).

2. Phương án khả thi

Cơ sở của việc sáp nhập

- Mang lại một giải pháp tài chính tối ưu

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay, vẫn chịu sự tác động tiêu cực từ hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong năm 2008 và những tháng đầu năm 2009, thị trường chứng khoán vẫn trong giai đoạn điều chỉnh và chưa có dấu hiệu tốt về khả năng hồi phục. Vì vậy, việc huy động vốn tài trợ cho các dự án của cả 2 Công ty để mở rộng mạng lưới phân phối trở nên khó khăn hơn.

Sau khi sáp nhập giá trị cộng hưởng của Mirae và Mirae Fiber được thể hiện ở chỗ do tăng quy mô của công ty sau sáp nhập mà tình hình tài chính có thể được cải thiện hơn như: tăng số dư tiền, tăng nguồn vốn hoạt động. Mặt khác, sáp nhập có thể giúp Công ty sau sáp nhập có thể vay nợ với mức vay lớn hơn. Công ty sau sáp nhập sẽ có quy mô lớn hơn và hạn chế được rủi ro nhiều hơn.

Việc sáp nhập sẽ là tiền đề để phát hành và niêm yết cổ phiếu KMR trên sàn giao dịch chứng khoán Hàn Quốc (Kosdaq) mang lại nguồn vốn và thặng dư vốn cho Công ty

- Nâng cao vị thế của công ty trong ngành

Tăng thị phần và danh tiếng trong ngành: một trong những mục tiêu của sáp nhập là nhằm mở rộng thị trường mới, tăng trưởng doanh thu và thu nhập.

Sáp nhập cho phép mở rộng các kênh marketing và hệ thống phân phối. Bên cạnh đó, vị thế của Công ty mới sau khi sáp nhập sẽ tăng lên rất nhiều lần trong mắt cộng đồng đầu tư.

- Tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh

Việc sáp nhập giữa Mirae và Mirae Fiber sẽ giảm thiểu được một số chi phí hoạt động kinh doanh của hai Công ty một cách đáng kể như chi phí nhân viên cho các hoạt động gián tiếp, chi phí phát triển mở rộng thị phần của cả hai bên... Đây cũng là một thế mạnh của hoạt động mua bán và sáp nhập.

Hiện nay Công ty KMR đang phát triển mạnh ngành chăn ra gối nệm. Tuy nhiên chỉ tập trung ở khu vực phía Nam. Công ty đang có khuynh hướng mở rộng thị trường ra miền Trung và miền Bắc.

Ngoài ngành chủ lực của 2 Công ty là bông tấm, bông chần, thế mạnh của KMR là ngành chăn ra gối nệm, trong khi thế mạnh của KMF là cung cấp máy móc. Vì thế, sau sáp nhập, sự bổ sung và điều tiết thị trường giữa Mirae và Mirae Fiber sẽ tạo nên hiệu quả cao hơn cho Công ty sau sáp nhập.

Cơ sở xác định tỷ lệ chuyển đổi

Để xác định tỷ lệ chuyển đổi cổ phiếu khi tiến hành sáp nhập KMF vào KMR, chúng tôi – Đơn vị tư vấn sáp nhập, đã xác định trên cơ sở sử dụng phương pháp giá thị trường bình quân của 2 cổ phiếu KMF và KMR trong 50 phiên giao dịch tính đến ngày 16/10/2009 và so sánh với phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do để xác định giá trị cổ phiếu KMR và KMF.

Giá trị của cổ phiếu KMR và KMF theo từng phương pháp như sau:

Phương pháp	KMR (Đồng)	KMF (Đồng)
Phương pháp thị trường bình quân	15.381	14.428
Phương pháp chiết khấu dòng tiền	24.449	22.156

Dựa theo phương pháp thị trường có so sánh với phương pháp chiết khấu dòng tiền, và theo tính toán của VCSC, tỷ lệ chuyển đổi sẽ được căn cứ theo giá định giá cộng với chênh lệch phải trả do sáp nhập

Thông thường chênh lệch phải do sáp nhập dao động trong khoản 20% đến 50% để bên nhận sáp nhập nắm toàn quyền kiểm soát bên bị sáp nhập.

Tỷ lệ chuyển đổi theo phương pháp thị trường

KMF	Thặng dư phải trả	Giá chuyển đổi	KMR	Tỷ lệ chuyển đổi
14,428	7%	15,381	15,381	1.00
	12%	16,150		1.05
	17%	16,919		1.10
	23%	17,688		1.15
	28%	18,468		1.20
	33%	19,189		1.25
	39%	20,055		1.30
	44%	20,776		1.35
	49%	21,498		1.40

Tỷ lệ chuyển đổi theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

KMF	Thặng dư phải trả	Giá chuyển đổi	KMR	Tỷ lệ chuyển đổi
22,156	10%	24,449	24,449	1.00
	16%	25,671		1.05
	21%	26,894		1.10
	27%	28,116		1.15
	32%	29,339		1.20
	38%	30,561		1.25
	44%	31,905		1.30
	49%	33,012		1.35

Dựa trên cơ sở xác định tỷ lệ chuyển đổi của Công ty Tư vấn (Công ty chứng khoán Bản Việt) tỷ lệ chuyển đổi được Đại hội Đồng Cổ đông của cả hai Công ty KMF và KMR thông qua là từ 1:1,2 đến 1:1,4, nghĩa là 1 cổ phiếu của KMF sẽ được chuyển đổi thành từ 1,2 đến 1,4 cổ phiếu của KMR phát hành thêm.

Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông 2 Công ty KMF và KMR, Hội đồng quản trị 2 Công ty đã họp và thống nhất tỷ lệ cụ thể là 1,35 cổ phiếu KMR đổi lấy 1 cổ phiếu KMF. Tỷ lệ trên được quyết định dựa vào: Kết quả kinh doanh của 2 Công ty KMF và KMR tính đến tháng 9/2009; Giá thị trường của 2 Công ty đến thời điểm ra quyết định; Lợi ích lâu dài của cổ đông của cả 2 Công ty.

Phương pháp tính chi tiết giá của KMR, KMF và các số liệu liên quan đến căn cứ xác định dòng tiền của KMR, KMF theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF):

Phương pháp DCF chỉ ra giá trị nội tại của Công ty và là công cụ chủ yếu khi xác định giá trị doanh nghiệp của các doanh nghiệp ở giai đoạn thị trường đã phát triển. Phương pháp này dựa trên khả năng sinh lời trong dài hạn và dòng tiền tiềm năng của Công ty. Phương pháp này cũng ngầm định rằng các dòng tiền được kiểm soát hoàn toàn.

Phương pháp định giá này dự đoán dòng tiền tự do đã loại bỏ ảnh hưởng của nợ vay mà Công ty thu được và giá trị đích tại cuối kỳ dự báo, từ đó chiết khấu dòng tiền này ngược về kỳ hiện tại. Tổng số dư tiền mặt sau khi trừ số dư nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được cộng ngược vào dòng tiền chiết khấu đã loại bỏ ảnh hưởng của nợ vay, còn được gọi là Giá trị doanh nghiệp, để tính ra giá trị phần vốn cổ đông tại doanh nghiệp

Đầu tiên là việc dự báo dòng tiền trong tương lai mà tài sản được mong đợi sẽ tạo ra. Điều này liên quan đến việc phân tích các số liệu tài chính và trao đổi với các bộ phận kinh doanh, sản xuất, tài chính kế toán nhằm mục đích xây dựng dòng tiền.

Bước tiếp theo là chiết khấu dòng tiền tương lai về giá trị hiện tại theo tỷ lệ chiết khấu bao gồm các rủi ro đính kèm với tài sản và giá trị thời gian của dòng tiền

Giá trị cổ phiếu của KMR theo phương pháp DCF tại thời điểm 30/6/2009

(Triệu đồng)

Đvt: Triệu đồng	2009	2010	Số liệu ước tính			
	2011	2012	2013	2014		
Thu nhập trước thuế (EBT)	22,560	29,427	35,173	42,387	53,436	69,120
Lãi vay	7,100	8,248	9,623	10,998	13,060	16,153
Thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT)	29,660	37,676	44,795	53,385	66,496	85,273
Thuế suất	7.0%	10.0%	25.0%	25.0%	25.0%	25.0%
Lợi nhuận sau thuế EBIT*(1-t)	27,584	33,908	33,597	40,039	49,872	63,955
Khấu hao	11,753	13,028	14,452	16,042	17,818	19,801
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	39,337	46,936	48,048	56,080	67,689	83,756
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	18,690	(7,891)	(9,689)	(9,749)	(14,633)	(5,406)
Trừ: Thay đổi vốn cố định	(17,334)	(19,317)	(21,532)	(24,007)	(26,773)	(29,864)
Dòng tiền tự do của công ty	40,693	19,728	16,827	22,324	26,284	48,486
Hệ số chiết khấu	14.72%	15.05%	14.33%	14.38%	14.16%	13.87%
Mức chiết khấu	0.934	0.811	0.710	0.621	0.544	0.477
Giá trị hiện tại của dòng tiền	37,993	16,009	11,944	13,853	14,288	23,147
Giá trị thu hồi sau năm 2014						274,149

Xác định giá trị công ty	
Tổng giá trị công ty	391,383
Cộng:	
Tiền	1,632
Trừ:	
Nợ vay (chịu lãi suất)	68,154
Giá trị công ty	324,861
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,287,066
Tổng số lượng cổ phiếu	13,287,066
Giá trị một cổ phiếu	24,449

Giá trị cổ phiếu của KMF theo phương pháp DCF tại thời điểm 30/6/2009

Triệu đồng

Đvt: Triệu đồng	2009	2010	Số liệu ước tính			
	2011	2012	2013	2014		
Thu nhập trước thuế (EBT)	22,903	28,518	32,430	36,431	40,609	47,100
Lãi vay	5,341	6,098	6,899	7,700	8,562	9,856
Thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT)	28,243	34,617	39,329	44,131	49,171	56,956
Thuế suất	10.0%	10.0%	10.0%	10.0%	20.0%	25.0%
Lợi nhuận sau thuế EBIT*(1-t)	25,419	31,155	35,396	39,718	39,337	42,717
Khấu hao	8,900	9,481	10,103	10,767	11,476	12,235
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	34,319	40,636	45,499	50,485	50,813	54,952
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	(16,503)	(17,871)	(11,561)	(11,547)	(12,456)	(10,311)
Trừ: Thay đổi vốn cố định	(7,937)	(8,455)	(9,007)	(9,597)	(10,228)	(10,902)
Dòng tiền tự do của công ty	9,879	14,310	24,930	29,341	28,129	33,739
Hệ số chiết khấu	14.31%	14.83%	14.70%	14.92%	14.27%	13.80%
Mức chiết khấu	0.935	0.815	0.710	0.618	0.541	0.475
Giá trị hiện tại của dòng tiền	9,240	11,656	17,704	18,131	15,211	16,032
Giá trị thu hồi sau năm 2014						191,264

Xác định giá trị công ty		
Tổng giá trị công ty		279,238
Cộng:		
Tiền		1,873
Trừ		
Nợ vay (chịu lãi suất)		51,062
Giá trị công ty		230,048
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,383,054
Tổng số lượng cổ phiếu	cp	10,383,054
Giá trị một cổ phiếu	đồng	22,156

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc định giá, bao gồm:

- Giá trị thu hồi sau năm 2014 (GTTH): $GTTH = CF(1+g)/(WACC-g)$
- CF: Dòng tiền thuần 2015 = $CF(2014) * (1+g)$
- g: Tốc độ tăng trưởng sau năm 2014, giả định 5% cho ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty
- WACC: Chi phí sử dụng vốn bình quân

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Trụ sở chính: Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn

37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3910 0751 Fax: (84-8) 3910 0750

Website: www.deloitte.com

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I	:	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2. Phụ lục II	:	Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.
3. Phụ lục III	:	BCTC được kiểm toán năm 2007, năm 2008, BCTC chưa kiểm toán 9 tháng năm 2009

Bình Dương, ngày 9 tháng 11 năm 2009

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



SHIN YOUNG SIK

TỔNG GIÁM ĐỐC

D. J Shin

SHIN DONG JIN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỤY TRÂM ANH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI